

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ



NGÔ THỊ THƯƠNG

**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC
KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY
TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2453011083

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ



NGÔ THỊ THƯƠNG

**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC
KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY
TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2453011083

Người hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Oanh

NINH BÌNH, 2024

LỜI CAM ĐOAN

Kính gửi: -Ban giám hiệu Trường đại học Hoa Lư
 -Khoa Kinh tế Trường đại học Hoa Lư
 -Phòng đào tạo Trường đại học Hoa Lư

Tên em là: Ngô Thị Thương

Sinh viên lớp: D13KT

Đề tài khóa luận tốt nghiệp: *“Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động”*.

Em xin cam đoan đây là đề tài nghiên cứu của em. Những kết quả và số liệu trong báo cáo được thực hiện tại công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động, không sao chép bất cứ nguồn nào khác. Em hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường về sự cam đoan này.

Ninh Bình, Ngày... tháng... năm 2024

Sinh viên

(Ký tên)

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Sinh viên Ngô Thị Thương đã nghiên cứu nghiêm túc và hoàn thành đúng tiến độ các giai đoạn của quá trình làm chuyên đề khoá luận tốt nghiệp. Có tinh thần học hỏi, tìm kiếm tài liệu và chỉnh sửa bài theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn. Các nội dung trình bày theo đúng đề cương đã được duyệt, đề tài đảm bảo tính khoa học và có ý nghĩa thực tiễn cao.

Ninh Bình, ngày tháng 05 năm 2024

Người hướng dẫn khoa học

ThS. Phạm Thị Oanh

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Nội dung
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BTC	Bộ Tài Chính
NCK	Nhật ký chung
GTGT	Giá trị gia tăng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
NVL	Nguyên vật liệu
TK	Tài khoản
TNCN	Thu nhập cá nhân
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNTT	Thu nhập tính thuế
LĐ	Lao động
CNV, CBCNV	Công nhân viên, Cán bộ công nhân viên
BH	Bảo hiểm
DN	Doanh nghiệp
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân
DN	Doanh nghiệp
NH	Ngân hàng
VNĐ	Việt Nam Đồng

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Biểu 1. 1 Tỷ lệ trích bảo hiểm.....	21
Biểu 1. 2 Kết cấu TK 334.....	23
Biểu 1. 3 Kết cấu TK 338.....	25
Biểu 1. 4 Kết cấu TK 335.....	26
Biểu 1. 5 Kết cấu TK 352.....	28
Biểu 2. 1 Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong ba năm 2021,2022,2023.....	34
Biểu 2. 2 Cơ cấu lao động tại công ty	46
Biểu 2. 3 Thuế suất thuế TNCN.....	49
Biểu 2. 4 Bảng chấm công tháng 1 bộ phận quản lý.....	54
Biểu 2. 5 Bảng chấm công tháng 1 phòng kinh doanh	55
Biểu 2. 6 Bảng chấm công tháng 1 bộ phận xây dựng	56
Biểu 2. 7 Bảng thanh toán lương tháng 1 bộ phận quản lý.....	57
Biểu 2. 8 Bảng thanh toán lương tháng 1 bộ phận kinh doanh.....	58
Biểu 2. 9 Bảng thanh toán lương tháng 1 bộ phận xây dựng.....	59
Biểu 2. 10 Phiếu lương nhân viên	63
Biểu 2. 13 Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội	64
Biểu 2. 14 Giấy báo nợ thanh toán tiền lương tháng 1	65
Biểu 2. 15 Sổ chi tiết TK 334 tháng 1 năm 2024.....	66
Biểu 2. 16 Sổ nhật ký chung tháng 1/2024	67
Biểu 2. 17 Sổ cái TK 334	68
Biểu 2. 18 Giấy ra viện	70
Biểu 2. 19 Danh sách đề nghị giải quyết chế độ bảo hiểm	71
Biểu 2. 20 Phiếu thanh toán trợ cấp bảo hiểm xã hội	72
Biểu 2. 21 Giấy báo có BHXH trả thay lương.....	73
Biểu 2. 22 Giấy báo nợ nộp tiền bảo hiểm.....	74
Biểu 2. 23 Giấy báo nợ nộp KPCĐ.....	75

Biểu 2. 24 Sổ chi tiết TK 3382.....	76
Biểu 2. 25 Sổ chi tiết TK 3383.....	77
Biểu 2. 26 Sổ chi tiết TK 3384.....	77
Biểu 2. 27 Sổ chi tiết TK 3385.....	79
Biểu 2. 28 Sổ nhật ký chung tháng 1/2024	80
Biểu 2. 29 Sổ cái TK 338	81
Biểu 3. 1 Danh sách thưởng phạt tại công ty.....	87
Sơ đồ 1. 1 Sơ đồ hạch toán tổng hợp các khoản phải trả người lao động.....	23
Sơ đồ 1. 2 Sơ đồ hạch toán tổng hợp các khoản trích theo lương	25
Sơ đồ 1. 3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	29
Sơ đồ 1. 4 Trình tự ghi sổ kế toán hình thức Nhật kí- Sổ cái	29
Sơ đồ 1. 5 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ ...	30
Sơ đồ 1. 6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.	30
Sơ đồ 2. 1 Sơ đồ bộ máy của công ty.....	39
Sơ đồ 2. 2 Sơ đồ bộ máy kế toán Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động	41

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC.....	ii
BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ	iv
MỤC LỤC.....	vi
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
3.1 Mục đích.....	4
3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
4.1 Đối tượng nghiên cứu.....	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	5
6.1 Ý nghĩa khoa học.....	5
6.2 Ý nghĩa thực tiễn	5
7. Bố cục khoá luận	6
Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI DOANH NGHIỆP	7
1.1 TIỀN LƯƠNG VÀ BẢN CHẤT CỦA TIỀN LƯƠNG.....	7
1.1.1. Khái niệm tiền lương.....	7
1.1.2. Vai trò và chức năng của tiền lương	7
1.1.2.1. Vai trò của tiền lương	7
1.1.2.2. Chức năng của tiền lương	8
1.1.3. Các hình thức trả lương trong doanh nghiệp.....	10

1.1.3.1. Nguyên tắc trả lương.....	10
1.1.3.2. Trả lương theo sản phẩm.....	10
1.1.3.3. Trả lương theo thời gian.....	12
1.1.3.4. Trả lương khoán.....	12
1.1.3.5. Các hình thức trả lương khác.....	14
1.1.4. Quỹ tiền lương trong doanh nghiệp	14
1.1.5. Các chế độ về phụ cấp, tiền lương nghỉ phép và hình thức đãi ngộ khác ngoài lương	15
1.2. CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG VÀ BẢN CHẤT CỦA CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG.....	17
1.2.1. Khái niệm các khoản trích theo lương	17
1.2.2. Vai trò của các khoản trích theo lương	18
1.2.3. Chế độ trích, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương.....	18
1.2.3.1. Bảo hiểm xã hội (BHXH).....	18
1.2.3.2. Bảo hiểm y tế (BHYT)	19
1.2.3.3. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	19
1.2.3.4. Kinh phí công đoàn (KPCĐ).....	20
1.3. KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	21
1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ..	21
1.3.2. Kế toán tiền lương.....	21
1.3.2.1. Kế toán chi tiết.....	21
1.3.2.2. Kế toán tổng hợp.....	23
1.3.3. Kế toán các khoản trích theo lương	24
1.3.3.1. Kế toán chi tiết.....	24
1.3.3.2. Kế toán tổng hợp.....	24
1.3.4. Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép và trích lập quỹ dự phòng tiền lương.....	26

1.3.4.1. Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép.....	26
1.3.4.2. Kế toán trích lập dự phòng tiền lương.....	27
1.4. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.....	29
1.4.1. Hình thức sổ kế toán Nhật kí chung.....	29
1.4.2. Hình thức sổ kế toán Nhật kí- sổ cái.....	29
1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	30
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật kí- chứng từ.....	30
Chương 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG	31
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG.....	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	31
2.1.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty	31
2.1.1.2. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.....	33
2.1.2. Đặc điểm hoạt động của công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động.	36
2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty	36
2.1.2.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh	37
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty.....	39
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chế độ kế toán áp dụng tại Công ty	40
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán	40
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng	42
2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG	45

2.2.1. Đặc điểm về lao động động, công tác quản lý lao động tại công ty	45
2.2.1.1. Đặc điểm về lao động	45
2.2.1.2. Công tác quản lý lao động của công ty	46
2.2.2. Chính sách, chế độ tiền lương trong công ty	47
2.2.2.1. Nguyên tắc tính trả lương	47
2.2.2.2. Các hình thức trả lương áp dụng tại công ty	48
2.2.2.3. Các thu nhập khác ngoài lương	50
2.2.3. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương tại công ty	51
2.3. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG	53
2.3.1. Kế toán tiền lương	53
2.3.1.1. Kế toán chi tiết tiền lương	53
2.3.1.2. Kế toán tổng hợp tiền lương	67
2.3.2. Kế toán các khoản trích theo lương	69
2.3.2.1. Kế toán chi tiết	69
2.3.2.2. Kế toán tổng hợp	80
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG	82
3.1. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG	82
3.1.1. Nhận xét chung	82
3.1.2. Ưu điểm	82
3.1.2.1. Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán	82
3.1.2.2. Về hình thức ghi sổ kế toán	83

3.1.2.3. Về tính trả lương cho công nhân viên.....	83
3.1.2.4. Về hạch toán tiền lương	83
3.1.2.5. Hệ thống tin học ứng dụng trong kế toán tiền lương	84
3.1.3. Tồn tại và nguyên nhân	84
3.1.3.1. Về chấm công, tính lương, trả lương cho lao động	84
3.1.3.2. Về chế độ tiền thưởng.....	85
3.1.3.3. Về việc ứng dụng tin học trong kế toán	85
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY	85
3.2.1. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty.....	85
3.2.1.1 Về quản lý lao động.....	85
3.2.1.2. Về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	86
3.2.1.3. Về chế độ tiền thưởng.....	87
3.2.2 Điều kiện thực hiện giải pháp	89
3.2.2.1 Đối với cá nhân – nhân viên kế toán.....	89
3.2.2.2. Đối với doanh nghiệp.....	89
3.2.2.3. Đối với nhà nước.....	90
PHẦN KẾT LUẬN	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	92

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đang bước vào thời kỳ đổi mới đứng trước tình hình xã hội ngày càng phát triển, nền kinh tế thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt và quyết liệt vấn đề đặt ra cho các nhà quản trị là phải biết nắm bắt kịp thời, thích ứng với tình hình hiện tại và có sự chỉ đạo kịp thời để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Kế toán là một trong những công cụ quản lý kinh tế rất quan trọng, “kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương” là một trong những vấn đề quan trọng không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Chính vì vậy đòi hỏi các công ty phải có bộ máy kế toán trình độ cao, quản lý tốt đảm bảo tính khoa học thực hiện đúng đắn chế độ tiền lương và các khoản trích theo lương cho người lao động.

Tiền lương là nguồn thu nhập chính của người lao động do đó tiền lương phải đảm bảo bù đắp những hao phí về sức lao động mà người lao động đã bỏ ra nhằm tái sản xuất sức lao động, đồng thời đáp ứng những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống của người lao động. Tiền lương giúp người lao động cải thiện, ổn định cuộc sống và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động. Ngoài tiền lương người lao động được hưởng một khoản trợ cấp trong thời gian nghỉ việc như: ốm đau, nghỉ thai sản, nghỉ tai nạn lao động, ... những khoản trợ cấp này là trợ cấp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ nhằm giúp đỡ người lao động trong lúc khó khăn vẫn có thể tự lo cho bản thân. Tùy theo đặc điểm của mỗi doanh nghiệp mà tổ chức lựa chọn phương pháp hạch toán tiền lương sao cho hợp lý, đảm bảo tính khoa học và thực hiện đúng đắn chế độ tiền lương và quyền lợi cho người lao động, đặc biệt phải đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho người lao động.

Công ty TNHH dịch vụ du lịch Bích Động là một công ty chuyên về du lịch và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công ty đang ngày càng phát triển và chiếm một vị thế chắc chắn trên thị trường. Vì vậy kế toán tiền lương

và các khoản trích theo lương đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hệ thống kế toán toàn công ty. Nhận thấy được sự cần thiết của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, công ty đã và đang vận hành công tác kế toán một cách khoa học. Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động đã chú trọng nâng cao hiệu quả tổ chức công tác hạch toán kế toán, không ngừng đào tạo, tuyển dụng cán bộ chuyên môn, trang thiết bị, máy móc hiện đại trong công tác quản lý. Tuy nhiên phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương vẫn còn đang đặt ra nhiều vấn đề khó khăn cần giải quyết. Quá trình quản lý nhân viên chưa chặt chẽ, chưa ứng dụng công nghệ thông tin triệt để đã gây khó khăn cho việc hạch toán. Xuất phát từ thực tế trên nên trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động, từ những kiến thức đã học về chuyên ngành kế toán cùng với được tiếp cận trong điều kiện thực tế, em đã chọn đề tài: *“Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động”* để làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay để kinh doanh đạt hiệu quả cao, có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Cũng chính vì thế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác kế toán nói chung cũng như kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương nói riêng. Có thể điểm qua một số tác giả với một số đề tài cơ bản như sau:

- Đề tài của tác giả Tống Thị Hải (2017) - Trường đại học Hoa Lư viết về *“Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH xây dựng Bình Minh”* đã nghiên cứu khá hoàn thiện về công tác tiền lương và các khoản trích theo lương. Tác giả đã nghiên cứu thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty dựa trên cơ sở lý luận chung từ đó đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh. Trong đề tài tác giả đã cho thấy Công ty có đội ngũ kế toán vững mạnh có chuyên môn và kinh nghiệm

trong công việc, phương pháp tính lương đơn giản dễ hiểu, hình thức trả lương cho nhân viên phù hợp đặc thù ngành nghề kinh doanh của công ty. Nhưng bên cạnh đó công ty cũng còn nhiều thiếu sót và hạn chế nhất định như kế toán tiền lương không mở sổ theo dõi chi tiết cho từng khoản mục đối với TK 334, điều này dẫn đến khó khăn trong việc tính toán và phân bổ tiền lương. Từ thực tế của công ty tác giả đã đề ra một số giải pháp: xây dựng đơn giá tiền lương và quỹ tiền lương bám sát với thực tiễn, mở sổ chi tiết TK 334

- Đề tài của tác giả Bùi Thị Thuý (2017) - Trường đại học Hoa Lư viết về *“Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Sinh Lộc”* đã nghiên cứu một cách rất tốt và khá hoàn thiện về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Có thể thấy trong đề tài việc tính và trả lương cho người lao động luôn được tính toán chính xác và kịp thời, phương pháp tính lương đơn giản, dễ hiểu. Bên cạnh đó hệ thống chứng từ và sổ sách của công ty luôn được tập hợp đầy đủ đảm bảo hợp lý điều này đã tạo thuận lợi cho việc tổ chức hạch toán lương và các khoản trích theo lương. Tuy nhiên công tác kế toán tại công ty vẫn còn nhiều mặt hạn chế như công ty chưa trích lập quỹ lương và không áp dụng kế toán máy điều đó đã làm cho việc hạch toán dễ bị sai sót. Tác giả cũng đề ra một số giải pháp để góp phần cải thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty như: cải thiện chính sách tiền lương, hoàn thiện chứng từ, áp dụng kế toán máy và tăng cường kế toán quản trị.

-Đề tài của tác giả Tạ Thị Lương (2023) - Trường đại học Hoa Lư viết về *“Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH may Đông Thịnh Hưng”* đã nghiên cứu thực trạng tiền lương và các khoản trích theo lương dựa trên cơ sở lý luận chung. Tác giả đã đưa ra một số ưu điểm của công ty như đã áp dụng chính sách tiền lương theo đúng điều khoản của Bộ luật Lao Động, hình thức trả lương của công ty đa dạng và phong phú. Nhưng công ty cũng còn tồn tại những vấn đề như vẫn còn áp dụng hình thức chấm công thủ công, việc hạch toán luân chuyển tiền lương còn chậm trễ, ứng

dụng tin học và kế toán chưa linh hoạt. Tác giả đã đề ra một số giải pháp hoàn thiện như công ty nên xây dựng phần mềm chuyên dụng để tính lương, cập nhật phần mềm kế toán.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động, em nhận thấy kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty còn nhiều mặt hạn chế. Tuy nhiên chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty. Vì vậy, em mạnh dạn lựa chọn đề tài: *Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động*. Với mục đích cố gắng thực tập, nghiên cứu thực trạng của Công ty để từ đó đưa ra được ưu điểm, nhược điểm của Công ty và một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho công ty.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích

Tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động để đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của khoá luận là:

- Luận giải các khái niệm, đặc điểm, nội dung của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
- Đánh giá, phân tích thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động.
- Đưa ra một số đánh giá và đề xuất giải pháp chủ yếu cho việc hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- **Phạm vi về không gian:** Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động.
- **Phạm vi về thời gian:** Nghiên cứu trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính và công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương năm 2021, 2022, 2023, 2024

5. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp quan sát:** Thực hiện quan sát các hoạt động của của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên phân hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
- **Phương pháp phỏng vấn trực tiếp:** trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với các kế toán, bộ phận có liên quan tại Công ty.
- **Phương pháp thực nghiệm:** Thực tập kế toán phân hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty.
- **Phương pháp tính toán, phân tích, tổng hợp số liệu.**

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1 Ý nghĩa khoa học

Đề tài đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận liên quan đến công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, giúp xác định yếu tố ảnh hưởng và đề ra giải pháp nâng cao chất lượng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

6.2 Ý nghĩa thực tiễn

Về mặt thực tiễn góp phần đánh giá và nhận xét được thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH dịch vụ du lịch Bích Động trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản trị chi phí tại công ty. Những kiến nghị mà đề tài đưa ra ứng dụng vào thực tiễn

công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động và một số doanh nghiệp cùng lĩnh vực hoạt động.

7. Bố cục khoá luận

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận Khoá luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI DOANH NGHIỆP

1.1 TIỀN LƯƠNG VÀ BẢN CHẤT CỦA TIỀN LƯƠNG

1.1.1. Khái niệm tiền lương

Tiền lương là một phạm trù kinh tế, là một kết quả quan trọng của sự phân phối của cải trong xã hội. Kinh tế học vi mô coi sản xuất là sự kết hợp giữa hai yếu tố là lao động và vốn. Vốn thuộc quyền sở hữu của một bộ phận dân cư trong xã hội, còn một bộ phận dân cư khác do không có vốn chỉ có sức lao động, phải đi làm thuê cho những người có vốn và đổi lại họ nhận được một khoản tiền gọi là tiền lương.

Trên thực tế, khái niệm và cơ cấu tiền lương rất đa dạng ở các nước trên thế giới. Điều đó cho thấy sự phức tạp về tiền lương thể hiện ngay trong quan điểm triết lý về tiền lương. Có thể điểm qua một số khái niệm như sau:

- + Theo C. Mác: Tiền lương là biểu hiện bằng tiền của giá trị sức lao động
- + Theo quan điểm của kinh tế học hiện đại: Tiền lương là giá cả của sức lao động, được xác định bằng quan hệ cung cầu trên thị trường lao động.
- + Trong nền kinh tế thị trường: Tiền lương là số lượng tiền tệ mà người sử dụng lao động phải chi trả cho người lao động để hoàn thành công việc.

Từ các khái niệm trên, có thể khái quát rằng: Tiền lương là biểu hiện bằng tiền của hao phí lao động sống cần thiết mà doanh nghiệp cần trả cho người lao động theo thời gian, khối lượng công việc và chất lượng lao động mà người lao động cống hiến cho doanh nghiệp

1.1.2. Vai trò và chức năng của tiền lương

1.1.2.1. Vai trò của tiền lương

Tiền lương được xem như cầu nối giữa người lao động của công ty và người sử dụng lao động. Trong công tác trả lương cho người lao động, người sử dụng lao động và công ty nên tính toán hợp lý để đôi bên cùng có lợi. Bởi nếu tiền lương trả cho người lao động không hợp lý sẽ khiến họ không có động

lực làm việc, không đảm bảo kỷ luật lao động, ngày công cũng như chất lượng công việc. Điều này khiến các công ty bỏ lỡ khoản tiết kiệm chi phí lao động cũng như lợi nhuận cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Như vậy, cả người sử dụng lao động và người lao động đều không được lợi.

Tiền lương là nguồn thu nhập chính của người lao động, là yếu tố để đảm bảo tái sản xuất xã hội, là một bộ phận đặc biệt của sản xuất xã hội. Vì vậy tiền lương đóng vai trò quyết định trong việc phát triển và ổn định kinh tế gia đình. Ở đây, trước hết tiền lương phải đảm bảo được những nhu cầu thiết yếu của người lao động như ăn, ở, sinh hoạt, đi lại, tức là tiền lương phải duy trì được cuộc sống tối thiểu của người lao động. Chỉ khi có được như vậy tiền lương mới thực sự có vai trò quan trọng kích thích lao động và nâng cao trách nhiệm của người lao động trong sản xuất xã hội và tái sản xuất xã hội. Đồng thời chế độ tiền lương phù hợp với sức lao động đã hao phí sẽ đem lại sự lạc quan tin tưởng vào doanh nghiệp và chế độ họ đang sống.

Trong doanh nghiệp việc sử dụng công cụ tiền lương ngoài mục đích tạo vật chất cho người lao động tiền lương còn có ý nghĩa lớn trong việc theo dõi kiểm tra và giám sát người lao động. Tiền lương được sử dụng như một thước đo hiệu quả công việc, bản thân tiền lương là một bộ phận cấu thành bên chi phí sản xuất, chi phí bán hàng và chi phí quản lý trong doanh nghiệp. Vì vậy nó là yếu tố nằm trong giá thành sản phẩm và ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2.2. Chức năng của tiền lương

Chức năng tái sản xuất sức lao động: Cùng với quá trình tái sản xuất của cải vật chất, sức lao động cần được tái tạo; với các hình thái kinh tế xã hội khác nhau sẽ có sự tái sản xuất sức lao động khác nhau. Quá trình này thể hiện rõ ở sự tiến bộ của xã hội và sự tác động của khoa học- công nghệ. Quy trình tái sản xuất sức lao động được thể hiện qua việc trả công cho người lao động bằng tiền lương. Như vậy, bản chất của tái sản xuất sức lao động là nhằm đảo

bảo cho người lao động có một số tiền lương nhất định dùng cho sinh hoạt để họ có thể duy trì và phát triển sức lao động của mình, sản xuất ra sức lao động mới, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ để hoàn thành kỹ năng lao động và tăng cường chất lượng lao động.

Là thước đo giá trị: Khi tiền lương mà doanh nghiệp trả cho người lao động tương ứng với giá trị sức lao động mà họ bỏ ra trong quá trình thực hiện công việc ta có thể xác định được hao phí lao động của toàn thể cộng đồng thông qua tổng quỹ lương cho toàn thể người lao động. Điều này cũng có nghĩa là công tác thống kê sẽ giúp cho nhà nước có thể hoạch định các chính sách điều chỉnh mức lương tối thiểu nhằm đảm bảo hợp lý thực tế phù hợp với chính sách của nhà nước.

Kích thích lao động: Trong quá trình lao động, lợi ích về kinh tế của người lao động là động lực sản xuất. Khi người lao động được trả công xứng đáng thì họ sẽ làm việc tích cực, không ngừng hoàn thiện mình. Ngược lại, nếu người lao động không được trả công xứng đáng sẽ có những biểu hiện tiêu cực không thuận lợi cho doanh nghiệp, thậm chí sẽ xảy ra đình công gây xáo trộn về chính trị, bất ổn xã hội. Việc tổ chức tiền lương và tiền công sẽ thúc đẩy, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động để đảm bảo công bằng trên cơ sở thực hiện tiền lương.

Chức năng điều tiết lao động: Trong việc thực hiện kế hoạch cân đối giữa các ngành, nghề ở các khu vực trên toàn quốc, nhà nước thường thông qua hệ thống thang bảng lương, các chế độ phụ cấp cho từng ngành nghề, khu vực để làm công cụ điều tiết lao động. Nhờ vậy, tiền lương cũng góp phần tạo ra một cơ cấu hợp lý để phát triển xã hội.

Chức năng tích lũy: Đảm bảo tiền lương cho người lao động không chỉ giúp họ duy trì được cuộc sống hằng ngày mà còn dự phòng cho cuộc sống lâu dài khi họ hết khả năng lao động hoặc gặp bất trắc.

Công cụ quản lý Nhà nước: Nhà nước ban hành Luật lao động để bảo vệ quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động để từ đó tạo điều

kiện cho mối quan hệ lao động được hài hòa và ổn định nhằm góp phần phát huy trí sáng tạo và tài năng của người lao động nhằm đạt mục tiêu của doanh nghiệp về năng suất, chất lượng lao động, tiến bộ xã hội, ...

1.1.3. Các hình thức trả lương trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Nguyên tắc trả lương

1. Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động ủy quyền hợp pháp.

2. Người sử dụng lao động không được hạn chế hoặc can thiệp vào quyền tự quyết chi tiêu lương của người lao động; không được ép buộc người lao động chi tiêu lương vào việc mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ của người sử dụng lao động hoặc của đơn vị khác mà người sử dụng lao động chỉ định.

1.1.3.2. Trả lương theo sản phẩm

Tiền lương trả theo sản phẩm là một hình thức trả lương cơ bản đang áp dụng phổ biến trong khu vực sản xuất hiện nay, tiền lương mà người lao động nhận được phụ thuộc vào số lượng, chất lượng sản phẩm và lượng công việc đã hoàn thành.

Là phương thức trả lương có tác dụng khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động góp phần tăng số lượng sản phẩm, gắn chặt năng suất lao động với thù lao lao động.

Công thức tính:

$$L = \text{ĐG} \times Q$$

Trong đó:

- L: Lương tính theo sản phẩm
- ĐG: Đơn giá tiền lương
- Q: Mức sản lượng thực tế

Hình thức tiền lương theo sản phẩm trực tiếp không hạn chế.

Là hình thức tiền lương trả cho người lao động được tính theo số lượng, sản lượng hoàn thành đúng quy cách, phẩm chất và đơn giá. Đây là hình thức được các DN sử dụng phổ biến để tính lương phải trả cho lao động trực tiếp sản xuất hàng loạt sản phẩm.

Hình thức tiền lương trả theo sản phẩm gián tiếp.

Được áp dụng để trả lương cho lao động làm công việc phục vụ sản xuất ở các bộ phận như công nhân vận chuyển nguyên vật liệu, công nhân phụ... Tuy lao động của họ không trực tiếp tạo ra sản phẩm, nhưng lao động của họ lại ảnh hưởng gián tiếp đến năng suất của lao động trực tiếp, nên có thể căn cứ vào kết quả của lao động trực tiếp mà lao động gián tiếp phục vụ để tính lương sản phẩm cho lao động gián tiếp.

Hình thức tiền lương theo sản phẩm có thưởng, có phạt.

Theo hình thức này, ngoài tiền lương theo sản phẩm trực tiếp, NLĐ còn được thưởng trong sản xuất như thưởng chất lượng sản phẩm tốt, tăng năng suất lao động, Trong trường hợp người lao động làm ra sản phẩm hỏng, lãng phí vật tư trên định mức quy định thì có thể phải chịu tiền phạt trừ vào lương của họ.

Hình thức tiền lương sản phẩm thưởng lũy tiến.

Theo hình thức này, tiền thưởng trả cho người lao động gồm tiền lương tính theo sản phẩm trực tiếp hoặc gián tiếp và tiền lương tính theo tỷ lệ lũy tiến căn cứ vào mức độ vượt định mức của người lao động. Hình thức trả lương này có hai loại đơn giá là đơn giá cố định và đơn giá lũy tiến:

- Đơn giá cố định dùng để trả cho những sản phẩm thực tế hoàn thành.
- Đơn giá lũy tiến dùng để tính lương cho những sản phẩm vượt mức khởi điểm. Tiền lương theo sản phẩm lũy tiến được áp dụng ở những khâu sản xuất cần thiết phải đẩy nhanh tiến độ sản xuất hoặc cần động viên công nhân phát huy sáng kiến phá vỡ định mức lao động.

Hình thức này áp dụng cho những công việc giản đơn, có tính chất đột xuất như bốc dỡ nguyên vật liệu, hàng hóa, sửa chữa nhà cửa, ... Trong trường

hợp này, DN xác định mức tiền lương trả cho từng công việc mà NLĐ hoàn thành.

1.1.3.3. Trả lương theo thời gian

Đây là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ vào thời gian làm việc thực tế và trình độ tay nghề. Cách tính này thường áp dụng cho người lao động làm công tác văn phòng hành chính, tài vụ kế toán, ... hoặc những công việc chưa xây dựng được định mức lao động, chưa có giá lương sản phẩm.

Trả lương theo tháng: Lương tháng được người sử dụng lao động đồng ý và người lao động thỏa thuận và xác định theo hợp đồng lao động hoặc theo quy định về bảng lương, tháng lương áp dụng đối với người đó.

$$\text{Mức lương} = \text{Mức lương cơ sở} \times \text{Hệ số lương}$$

Trong đó:

- Mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng
- Hệ số lương thể hiện sự chênh lệch tiền lương giữa các mức lương theo ngạch, bậc lương (lương cơ bản) và mức lương tối thiểu.

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, ... sử dụng mức lương tối thiểu vùng làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương. Trong đó, mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường; bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng; và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận.

Hiện tại, mức lương tối thiểu vùng đang được áp dụng theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động như sau:

- Vùng I: 4.680.000 đồng/tháng
- Vùng II: 4.160.000 đồng/tháng
- Vùng III: 3.640.000 đồng/ tháng
- Vùng IV: 3.250.000 đồng/tháng.

1.1.3.4. Trả lương khoán

Là hình thức trả lương khi người lao động hoàn thành được khối công việc theo đúng chất lượng được thỏa thuận giữa người thuê lao động và người lao động. Hình thức này làm cho người lao động quan tâm đến số lượng và chất lượng lao động của mình, người lao động có tinh thần trách nhiệm cao với sản phẩm mình làm ra.

Công thức tính:

$$\text{Lương} = \text{Đơn giá khoán} \times \text{Khối lượng công việc}$$

Trả lương khoán từng công việc (khoán khối lượng)

Hình thức này áp dụng cho các công việc chưa có đơn giá định mức cụ thể, các công việc thủ công, khối lượng ít và có tính chất nhất thời như công việc bốc xếp, dọn kho, dọn đường, sửa chữa đại tu xe máy và thiết bị cơ giới thi công.

Trả lương khoán gọn theo sản phẩm cuối cùng

Đây là hình thức khoán công trình chủ yếu hiện nay đang được thực hiện rộng rãi. Theo cách tính lương này thì tiền lương được tính theo đơn giá tập hợp cho sản phẩm hoàn thành đến công việc cuối cùng. Hình thức này áp dụng cho những doanh nghiệp mà quá trình sản xuất trải qua nhiều giai đoạn công nghệ nhằm khuyến khích người lao động quan tâm đến chất lượng sản phẩm. Tiền lương tính theo sản phẩm khoán nếu tính cho tập thể người lao động thì doanh nghiệp cần vận dụng những phương án chia lương thích hợp để tính chia lương cho từng NLD tập thể, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động.

Trả lương khoán quỹ lương

Là dạng đặc biệt của tiền lương sản phẩm được sử dụng để trả lương cho những người làm việc tại các phòng ban của DN. Theo hình thức này, căn cứ vào khối lượng công việc của từng phòng ban, doanh nghiệp tiến hành khoán quỹ lương. Quỹ lương thực tế của từng phòng ban phụ thuộc vào mức độ hoàn thành công việc được giao. Tiền lương thực tế của từng nhân viên vừa phụ thuộc vào quỹ lương thực tế của từng phòng ban, vừa phụ thuộc vào số lượng nhân viên của phòng ban đó.

1.1.3.5. Các hình thức trả lương khác***Trả lương theo doanh thu***

- Là hình thức trả lương mà thu nhập người lao động phụ thuộc vào doanh số đạt được theo mục tiêu doanh số và chính sách lương, thưởng doanh số quy định của công ty.

- Phương thức trả lương này thường được áp dụng cho nhân viên bán hàng, nhân viên kinh doanh.

- Các hình thức lương, thưởng theo doanh thu:

+ Lương, thưởng doanh số nhóm.

+ Lương, thưởng doanh số cá nhân.

+ Các hình thức thưởng kinh doanh khác: công nợ, phát triển thị trường, thưởng theo mức chỉ tiêu đạt được, ...

Trả lương bằng hoa hồng bán hàng

- Đây cũng là hình thức vô cùng hiệu quả, đặc biệt là đối với những sản phẩm có ít thay đổi về giá trị cốt lõi.

- Qua đó, đây là phương thức thanh toán đặc biệt phù hợp với nhóm ngành dịch vụ, nhằm khuyến khích xúc tiến bán hàng, cũng như khả năng duy trì và phát triển dịch vụ, chuỗi quy trình sản xuất linh hoạt.

- Các ngành nghề mà nhân viên phải được trả theo ‘Hoa hồng’:

+ Du lịch, khách sạn, cho thuê / bán bất động sản

+ Nhà hàng, dịch vụ ăn uống

1.1.4. Quỹ tiền lương trong doanh nghiệp

Quỹ tiền lương của doanh nghiệp là toàn bộ số tiền lương mà doanh nghiệp dùng để trả cho tất cả lao động do doanh nghiệp trực tiếp quản lý và sử dụng bao gồm các khoản:

- Tiền lương tính theo thời gian, tiền lương tính theo sản phẩm, tiền lương khoán, ...

- Tiền lương trả cho người lao động tạo ra sản phẩm hỏng trong phạm vi chế độ quy định.

- Tiền lương phải trả cho người lao động trong thời gian ngừng sản xuất do nguyên nhân khách quan, trong thời gian điều động công tác, thực hiện nghĩa vụ theo chế độ quy định, ...

- Tiền lương trả cho người lao động trong quá trình điều động công tác, đi làm nghĩa vụ trong phạm vi chế độ quy định.

- Tiền lương trả cho người lao động khi nghỉ phép, đi học theo chế độ.

- Tiền ăn giữa ca của người lao động

- Tiền thưởng có tính chất thương xuyên

- Phụ cấp làm đêm, thêm giờ, thêm ca

- Phụ cấp trách nhiệm

1.1.5. Các chế độ về phụ cấp, tiền lương nghỉ phép và hình thức đãi ngộ khác ngoài lương

Chế độ phụ cấp

Chế độ phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được áp dụng đối với người lao động làm nghề, công việc có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Chế độ phụ cấp trách nhiệm: Phụ cấp trách nhiệm được áp dụng đối với người lao động làm một số công việc thuộc công tác quản lý (như tổ trưởng, tổ phó, đội trưởng, đội phó, quản đốc, đốc công, trưởng ca, phó trưởng ca, trưởng kíp, phó trưởng kíp và chức danh tương tự) hoặc công việc đòi hỏi trách nhiệm cao hơn so với trách nhiệm đã tính trong mức lương của thang lương, bảng lương (như thủ quỹ, thủ kho, kiểm ngân và chức danh tương tự).

Chế độ phụ cấp lưu động: Phụ cấp lưu động được áp dụng đối với người lao động làm nghề, công việc phải thường xuyên thay đổi địa điểm làm việc và nơi ở, như thi công các công trình xây dựng; khảo sát, tìm kiếm, khoan thăm dò khoáng sản; khảo sát, đo đạc địa hình, địa chính, khảo sát xây dựng chuyên

ngành, sửa chữa, duy tu đường bộ, đường sắt; nạo vét công trình đường thủy và công việc có điều kiện tương tự.

Chế độ phụ cấp thu hút: Phụ cấp thu hút được áp dụng đối với người lao động đến làm ở vùng kinh tế mới, vùng có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn, công trình cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện mà Nhà nước quy định có phụ cấp thu hút; nghề, công việc công ty cần thu hút lao động.

Chế độ phụ cấp khu vực: Phụ cấp khu vực được áp dụng đối với người lao động làm việc ở địa bàn xa xôi hẻo lánh và khí hậu xấu.

Chế độ phụ cấp chức vụ: Phụ cấp chức vụ được áp dụng đối với Trưởng phòng, Phó trưởng phòng (ban) trong trường hợp công ty quy định Trưởng phòng, Phó trưởng phòng (ban) hưởng lương chuyên môn, cộng phụ cấp chức vụ.

Chế độ phụ cấp khác: Công ty được quy định thêm các chế độ phụ cấp khác, như phụ cấp khuyến khích người lao động làm việc để bảo đảm thời gian và định mức lao động, nâng cao kỹ năng thực hiện công việc, làm việc gắn bó lâu dài với công ty và phụ cấp khác phù hợp với đặc điểm, tính chất lao động và yêu cầu thực tế của công ty.

Chế độ về nghỉ phép

-12 ngày làm việc đối với NLD làm việc trong điều kiện bình thường

-14 ngày làm việc đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc lao động chưa thành niên hoặc lao động là người khuyết tật

-16 ngày làm việc đối với người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc người làm việc ở những nơi có điều kiện sinh sống đặc biệt khắc nghiệt theo danh mục do BLĐTBXH chủ trì phối hợp với Bộ y tế ban hành.

Các hình thức đãi ngộ khác ngoài lương

- Ngoài tiền lương, BHXH, người lao động có thành tích trong sản xuất, trong công tác được hưởng khoản tiền thưởng, việc tính toán tiền lương căn cứ vào quyết định và chế độ khen thưởng hiện hành.

-Tiền thưởng thi đua (thưởng không thường xuyên): Loại tiền thưởng này không thuộc quỹ lương mà được trích từ quỹ khen thưởng, căn cứ vào kết quả bình xét và hệ số tiền thưởng để tính.

-Tiền thưởng trong sản xuất kinh doanh (thưởng thường xuyên): Hình thức này có tính chất lương, đây thực chất là một phần của quỹ lương được tách ra để trả cho người lao động dưới hình thức tiền thưởng cho một tiêu chí nhất định. Thưởng trong sản xuất kinh doanh gồm các hình thức thưởng sau:

-Thưởng tiết kiệm nhằm khuyến khích người lao động nâng cao trách nhiệm trong sử dụng, bảo quản tốt vật tư, khuyến khích người lao động hạ thấp định mức tiêu hao vật tư trong một đơn vị sản phẩm nhằm hạ giá thành sản xuất.

-Thưởng sáng kiến kỹ thuật, hợp lý hóa công việc là hình thức thưởng cho những giải pháp kinh tế kỹ thuật, hoặc giải pháp tổ chức mới có tính khả thi và mang lại lợi ích thiết thực. Hình thức này nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính tích cực sáng tạo trong lao động sản xuất và công tác để tăng năng suất lao động, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

-Thưởng nâng cao chất lượng sản phẩm: Đây là hình thức thưởng nhằm khuyến khích nâng cao tỷ lệ hàng có chất lượng cao, khuyến khích người lao động học tập, nâng cao trình độ và kinh nghiệm nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa.

1.2. CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG VÀ BẢN CHẤT CỦA CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

1.2.1. Khái niệm các khoản trích theo lương

Các khoản trích theo lương là một phần quan trọng trong việc tính toán thu nhập của người lao động. Những khoản trích này không chỉ ảnh hưởng đến mức lương thực tế mà người lao động nhận được mà còn ảnh hưởng đến khoản bảo hiểm mà người lao động được hưởng. Vì vậy các khoản trích theo lương là khoản tiền mà người lao động phải đóng cho các khoản bảo hiểm và quỹ hỗ trợ khác từ tiền lương mà họ nhận được

Các khoản trích theo lương thường được quy định trong luật lao động và các quy định liên quan, và được tính dựa trên tổng số tiền lương mà người lao động nhận được mỗi tháng.

Hiện nay ở Việt Nam thì những khoản trích theo lương thông thường là: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

1.2.2. Vai trò của các khoản trích theo lương

Ngoài tiền lương người lao động còn được hưởng các khoản trợ cấp thuộc phúc lợi xã hội, trong đó có trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp mà theo chế độ hiện hành các khoản này doanh nghiệp phải tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Bảo hiểm xã hội được trích lập để tài trợ cho người lao động tạm thời hay vĩnh viễn mất sức lao động như ốm đau, thai sản, tai nạn lao động...

Bảo hiểm y tế được trích lập để tài trợ cho việc phòng, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người lao động.

Kinh phí công đoàn được trích lập để phục vụ chi tiêu cho hoạt động của tổ chức thuộc giới lao động nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích lập để tài trợ cho người lao động khi người lao động bị mất việc làm.

1.2.3. Chế độ trích, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương

1.2.3.1. Bảo hiểm xã hội (BHXH)

Bảo hiểm xã hội là quỹ dùng để trợ cấp cho người lao động có tham gia đóng góp các quỹ trong các trường hợp bị suy giảm khả năng lao động như ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất, tai nạn lao động,

Bảo hiểm xã hội do NSDLĐ và NLĐ cùng đóng góp.

Ở Việt Nam hiện nay mọi người lao động có tham gia đóng góp BHXH đều có quyền hưởng bảo hiểm xã hội. Đóng bảo hiểm xã hội là tự nguyện hay bắt buộc là tùy thuộc vào loại đối tượng và để đảm bảo cho người lao động được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội thích hợp. Phương thức đóng bảo hiểm

xã hội dựa trên cơ sở mức lương quy định để đóng BHXH đối với người lao động.

Theo QĐ 595/QĐ-BHXH của Nhà nước, BHXH được hình thành bằng cách trích 25,5% trên tổng số tiền lương phải trả cho nhân viên trong từng thời kỳ trong đó:

- 17,5% do NSDLĐ đóng và khoản này được tính vào chi phí SXKD
- 8 % do NLĐ đóng và khoản này trừ vào thu nhập của người lao động.

1.2.3.2. Bảo hiểm y tế (BHYT)

BHYT tế là quỹ dùng cho người lao động có tham gia đóng góp các quỹ trong hoạt động khám, chữa bệnh, được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ trên tổng quỹ lương cấp bậc.

BHYT được chi cho người lao động thông qua mạng lưới y tế, khi người lao động ốm đau thì mọi chi phí về khám chữa bệnh đều được cơ quan BHYT chi trả thông qua dịch vụ khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế chứ không chi trả trực tiếp cho người lao động, được hình thành bằng cách trích 4,5% trên tổng quỹ lương cấp bậc.

Trong đó:

- 3% do NSDLĐ đóng và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- 1,5% do NLĐ đóng góp và khấu trừ vào tiền lương.

BHYT được nộp lên cơ quan chuyên môn (thường dưới hình thức mua BHYT) để bảo vệ chăm sóc sức khỏe công nhân viên.

BHYT được chi cho người lao động thông qua mạng lưới y tế, khi người lao động ốm đau thì mọi chi phí về khám chữa bệnh đều được cơ quan BHYT chi trả thông qua dịch vụ khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế chứ không chi trả trực tiếp cho bệnh nhân (người lao động).

1.2.3.3. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

BHTN là khoản hỗ trợ tài chính tạm thời cho người lao động mất việc mà đáp ứng đủ yêu cầu của luật định.

Đối tượng được nhận bảo hiểm thất nghiệp là những người bị mất việc không do lỗi của cá nhân họ. Người lao động vẫn đang cố gắng tìm kiếm việc làm, sẵn sàng nhận công việc mới và luôn nỗ lực nhằm chấm dứt tình trạng thất nghiệp. Những người lao động này sẽ được hỗ trợ một khoản tiền theo tỉ lệ nhất định. Ngoài ra, chính sách BHTN còn hỗ trợ học nghề và tìm việc làm đối với NLĐ tham gia BHTN.

Theo quy định của Luật BHXH thì mức đóng BHTN được quy định:

- NLĐ đóng bảo hiểm thất nghiệp bằng 1% tiền lương tháng.
- NSDLĐ đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng.
- Nhà nước hỗ trợ 1% trên quỹ tiền lương, tiền công tháng.

1.2.3.4. Kinh phí công đoàn (KPCĐ)

Là khoản tiền do chủ doanh nghiệp đóng để phục vụ cho hoạt động của tổ chức công đoàn. KPCĐ được tính bằng 2% trên lương thực tế của người lao động, tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Quỹ KPCĐ được phân cấp quản lý và chi tiêu theo chế độ quy định: 1% nộp lên cấp trên, 1% chi cho hoạt động công đoàn cơ sở.

Việc chi tiêu quỹ KPCĐ phải chấp hành theo đúng quy định, tổ chức công đoàn các cấp có trách nhiệm quản lý việc sử dụng quỹ này đúng mục đích.

Tăng cường quản lý lao động, cải thiện và hoàn thiện việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động, cải tiến và hoàn thiện chế độ tiền lương, chế độ sử dụng quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ được xem là phương pháp hữu hiệu để kích thích người lao động gắn bó với hoạt động sản xuất kinh doanh, rèn luyện tay nghề, nâng cao năng suất lao động.

Biểu 1. 1 Tỷ lệ trích bảo hiểm

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí của doanh nghiệp	Trích vào lương của người lao động	Tổng
BHXH	17,5%	8%	25,5%
BHYT	3%	1,5%	4,5%
BHTN	1%	1%	2%
KPCD	2%		2%
Tổng	23,5%	10,5%	34%

1.3. KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Kế toán tiền lương là người chịu trách nhiệm hạch toán tiền lương người lao động dựa theo các yếu tố: Bảng chấm công, hợp đồng lao động, phụ cấp, bảng theo dõi tăng ca, ... Kế toán tiền lương và bảo hiểm ở doanh nghiệp phải thực hiện nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác thời gian và kết quả của công nhân viên, tính đúng và thanh toán đầy đủ, kịp thời tiền lương và các khoản liên quan khác cho công nhân viên. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng, chi quỹ lương.

- Tính toán và phân bổ hợp lý, chính xác chi phí tiền lương (tiền công) và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ cho các đối tượng sử dụng liên quan

- Định kỳ tiến hành phân tích tình hình lao động, tình hình quản lý và chi tiêu quỹ lương. Cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho bộ phận liên quan.

1.3.2. Kế toán tiền lương

1.3.2.1. Kế toán chi tiết

- + Chứng từ hạch toán tiền lương

- Hợp đồng lao động: là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

- Bảng chấm công (Mẫu số 01a - LĐTL): để quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian lao động cần phải tổ chức hạch toán việc sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động. Chứng từ dùng để hạch toán thời gian lao động là bảng chấm công. Bảng chấm công theo dõi ngày công làm việc thực tế, nghỉ việc, nghỉ BHXH. Để từ đó làm căn cứ tính lương, trả lương, trả thưởng, trả BHXH cho người lao động và quản lý lao động trong doanh nghiệp.

- Bảng chấm công làm thêm giờ (Mẫu số 01b - LĐTL): nhằm theo dõi ngày công thực tế làm thêm ngoài giờ, từ đó căn cứ tính thời gian nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương cho người lao động.

- Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02 - LĐTL): Bảng thanh toán tiền lương là chứng từ làm căn cứ tính tiền lương, phụ cấp, BHXH, kiểm tra việc thanh toán tiền lương cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, đồng thời làm căn cứ chứng từ để hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bảng thanh toán tiền thưởng (mẫu số 03 - LĐTL): Bảng thanh toán tiền thưởng là chứng từ xác nhận số tiền thưởng cho từng người lao động, làm cơ sở để tính thu nhập cho mỗi người lao động và ghi sổ kế toán. bảng thanh toán tiền thưởng dùng trong các trường hợp hưởng theo lương không dùng trong các trường hợp thưởng đột xuất.

- Giấy đi đường (Mẫu số 04 – LĐTL)

- Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành (Mẫu số 05LĐTL)

- Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ (Mẫu số 06 – LĐTL)

- Bảng thanh toán tiền thuê ngoài (Mẫu số 07 – LĐTL)

- Hợp đồng giao khoán (Mẫu số 08 – LĐTL)

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)

+ Sổ chi tiết sử dụng

- Sổ chi tiết TK 334: Phải trả người lao động (Mẫu số S19 - DNN)

1.3.2.2. Kế toán tổng hợp

Tài khoản sử dụng: TK 334- Phải trả người lao động

Biểu 1. 2 Kết cấu TK 334

TK 334	
Nợ	Có
	SDDK: Tiền lương, tiền công, BHXH và các khoản khác còn phải trả người lao động.
- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản đã trả, đã chi, tạm ứng trước cho người lao động. - Các khoản khấu trừ vào lương của người lao động.	- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản khác phải trả, phải chi cho người lao động phát sinh trong kỳ.
	SDCK: Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản khác còn phải trả cho người lao động.

138, 141, 333, 338	334	154(631), 241,642
	Phải trả người lao động	
Các khoản phải khấu trừ vào lương và thu nhập của người lao động	→	Lương và các khoản phụ cấp phải trả cho NLĐ
111, 112		335
Ứng, thanh toán tiền lương và các khoản khác cho NLĐ	→	Phải trả tiền lương nghỉ phép của CNSX (nếu DN trích trước)
511		353
Khi chi trả lương, thưởng và các khoản khác cho NLĐ bằng SP, HH	→	Tiền thưởng phải trả NLĐ từ Quỹ khen thưởng phúc lợi
33311		338 (3383)
Thuế GTGT đầu ra (nếu có)	→	BHXH phải trả CNV

Sơ đồ 1. 1 Sơ đồ hạch toán tổng hợp các khoản phải trả người lao động

1.3.3. Kế toán các khoản trích theo lương**1.3.3.1. Kế toán chi tiết**

- + Các chứng từ kế toán
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH – Mẫu số 11-LDTL
- Bảng thanh toán BHXH – Mẫu số 04 - LDTL
- Giấy chứng nhận ốm đau, thai sản hưởng bảo hiểm xã hội
- Giấy chứng nhận nghỉ do tai nạn lao động hưởng trợ cấp BHXH
- Giấy ra viện.
- + Sổ chi tiết sử dụng
 - Sổ chi tiết TK 3382: Kinh phí công đoàn
 - Sổ chi tiết TK 3383: Bảo hiểm xã hội
 - Sổ chi tiết TK 3384: Bảo hiểm y tế
 - Sổ chi tiết TK 3386: Bảo hiểm thất nghiệp

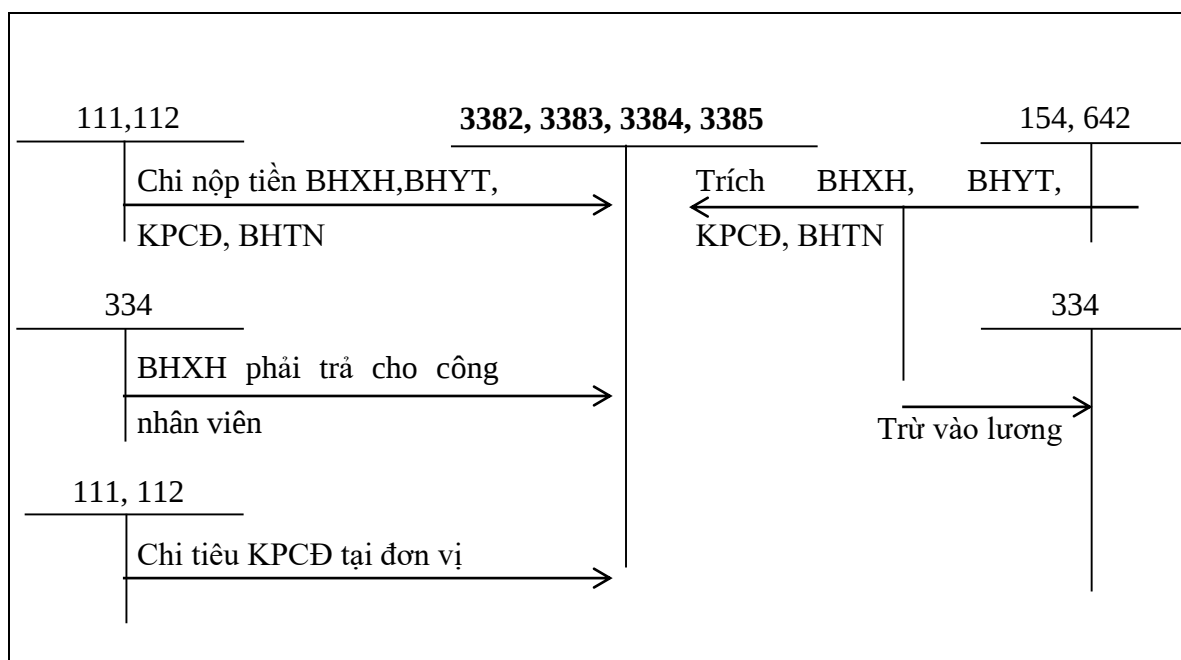
1.3.3.2. Kế toán tổng hợp***Tài khoản sử dụng***

Tài khoản 338: Phải trả, phải nộp khác

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phải trả, phải nộp ngoài nội dung phản ánh ở các tài khoản khác (Từ TK 331 đến TK 336), tài khoản này còn phản ánh các khoản thu nhập trước và cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng.

Biểu 1. 3 Kết cấu TK 338

TK 338	
Nợ	Có
	SDDK: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị chi chưa hết.
- BHXH trả cho CNV - KPCĐ chi tại đơn vị - Số BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã nộp cho cơ quan Nhà nước.	- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính vào chi phí sản xuất kinh doanh. - BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN khấu trừ vào lương CNV. - KPCĐ vượt chi được cấp bù. - Số BHXH đã chi trả CNV khi được cơ quan Bảo hiểm thanh toán.
	SDCK: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị chi chưa hết.



Sơ đồ 1. 2 Sơ đồ hạch toán tổng hợp các khoản trích theo lương

1.3.4. Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép và trích lập quỹ dự phòng tiền lương

1.3.4.1. Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép

Trong thực tế, việc nghỉ của công nhân sản xuất diễn ra không đồng đều ở các tháng trong năm. Do đó, để đảm bảo cho sản xuất được ổn định nên DN tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Mức trích trước hàng tháng được tính như sau:

Mức trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất	Tiền lương chính phải trả cho công nhân sản xuất (hàng tháng)	Tỷ lệ trích trước tiền lương nghỉ phép
---	--	--

Trong đó tỷ lệ trích trước được tính bằng tỷ số giữa tổng tiền lương nghỉ phép theo kế hoạch năm của công nhân sản xuất và tổng số tiền lương chính phải trả theo kế hoạch năm của công nhân sản xuất.

* Tài khoản sử dụng TK 335 – Chi phí phải trả

Biểu 1. 4 Kết cấu TK 335

TK 335	
Nợ	Có
	SDDK:
+ Các khoản chi phí thực tế phát sinh đã được tính vào chi phí phải trả + Số chênh lệch về chi phí phải trả lớn hơn số chi phí thực tế được ghi giảm chi	Chi phí phải trả dự tính trước và ghi nhận vào chi phí SXKD
	SDCK: Chi phí phải trả đã tính vào chi phí SXKD nhưng thực tế chưa phát sinh Kế toán tiến hành dự đoán tiền lương nghỉ phép để tiến hành trích trước tính vào chi phí của các kỳ hạch toán theo dự đoán

Hàng tháng căn cứ vào kế hoạch tiền hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất:

Nợ TK 154, 642

Có TK 335

Khi thực tế phát sinh tiền lương nghỉ phép phải trả cho công nhân SX:

Nợ TK 335

Có TK 334

Khi trích trước tiền lương nghỉ phép kế toán chưa trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo khoản lương này. Do đó khi nào đã xác định được tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả thì kế toán mới tiến hành trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên số tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả:

Nợ TK 154, 642: Phần tính vào chi phí

Nợ TK 334: Phần khấu trừ vào lương

Có TK 338: Trích trên số tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả

Cuối năm tiền hành điều chỉnh số trích trước theo số thực tế phải trả. Nếu có chênh lệch sẽ xử lý như sau:

- Nếu Số thực tế phải trả > số trích trước, kế toán tiến hành trích bổ sung phần chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 154, 642

Có TK 335

- Nếu Số thực tế phải trả < số trích trước, kế toán hoàn nhập số chênh lệch để ghi giảm chi phí:

Nợ TK 335

Có TK 154, 642

1.3.4.2. Kế toán trích lập dự phòng tiền lương

* Tài khoản sử dụng

TK 352: Dự phòng phải trả

Biểu 1. 5 Kết cấu TK 352

TK 352	
Nợ	Có
	SDDK:
Ghi giảm dự phòng phải trả khi phát sinh khoản chi phí liên quan đã được lập ban đầu. Ghi giảm (hoàn nhập) dự phòng phải trả khi DN chắc chắn không phải chịu sự giảm sút về kinh tế do không phải chi trả cho nghĩa vụ nợ Ghi giảm dự phòng phải trả về số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng hết	Phản ánh số dự phòng trích lập phải tính vào chi phí.
	SDCK: Phản ánh số dự phòng phải trả hiện có cuối kỳ

- Khi trích lập dự phòng phải trả khác, ghi:

Nợ TK 642-CPQLDN

Có TK 352 – Dự phòng phải trả

- Khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập:

Nợ TK 352 – Dự phòng phải trả

Có TK 334 – Phải trả NLĐ

- Khi lập Báo cáo tài chính, DN cần xác định số dự phòng phải trả

+ Trường hợp số dự phòng phải trả > số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước nhưng chưa sử dụng hết thì số chênh lệch hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - CPQLDN

Có TK 352 – Dự phòng phải trả

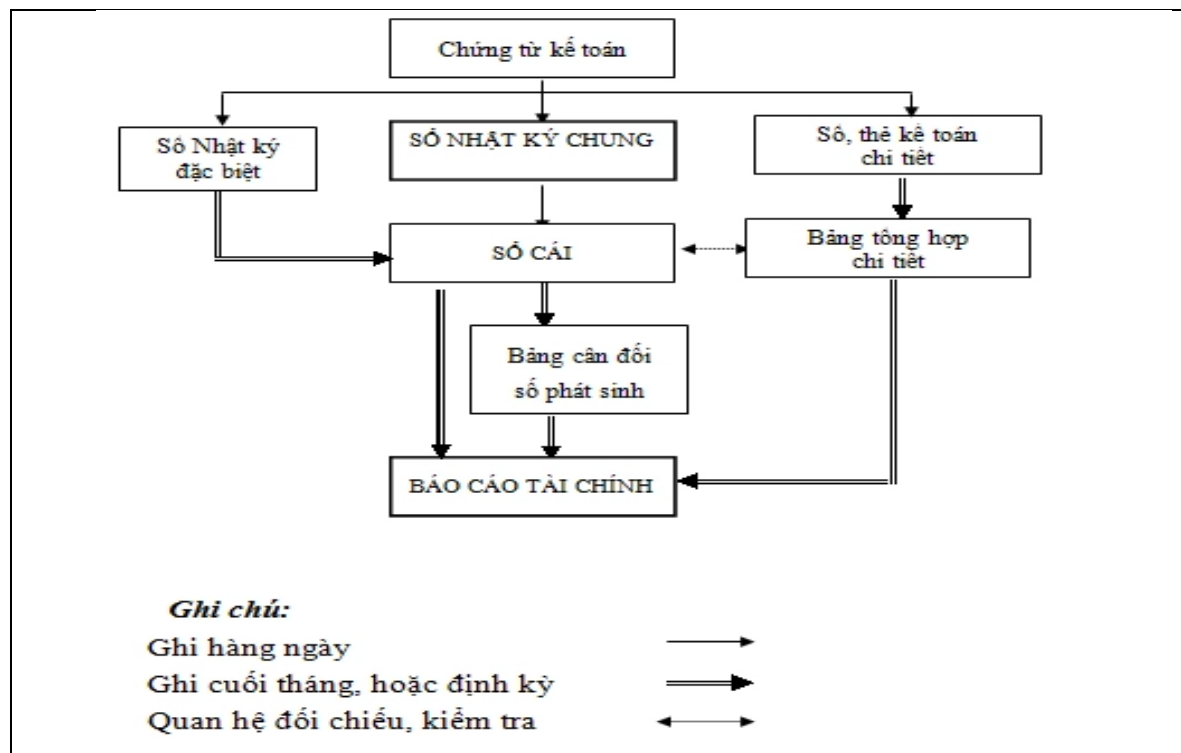
+ Trường hợp số dự phòng phải trả ở kỳ kế toán < số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước nhưng chưa sử dụng hết thì số chênh lệch hoàn nhập ghi

Nợ TK 352 – Dự phòng phải trả

Có TK 642 – CPQLDN

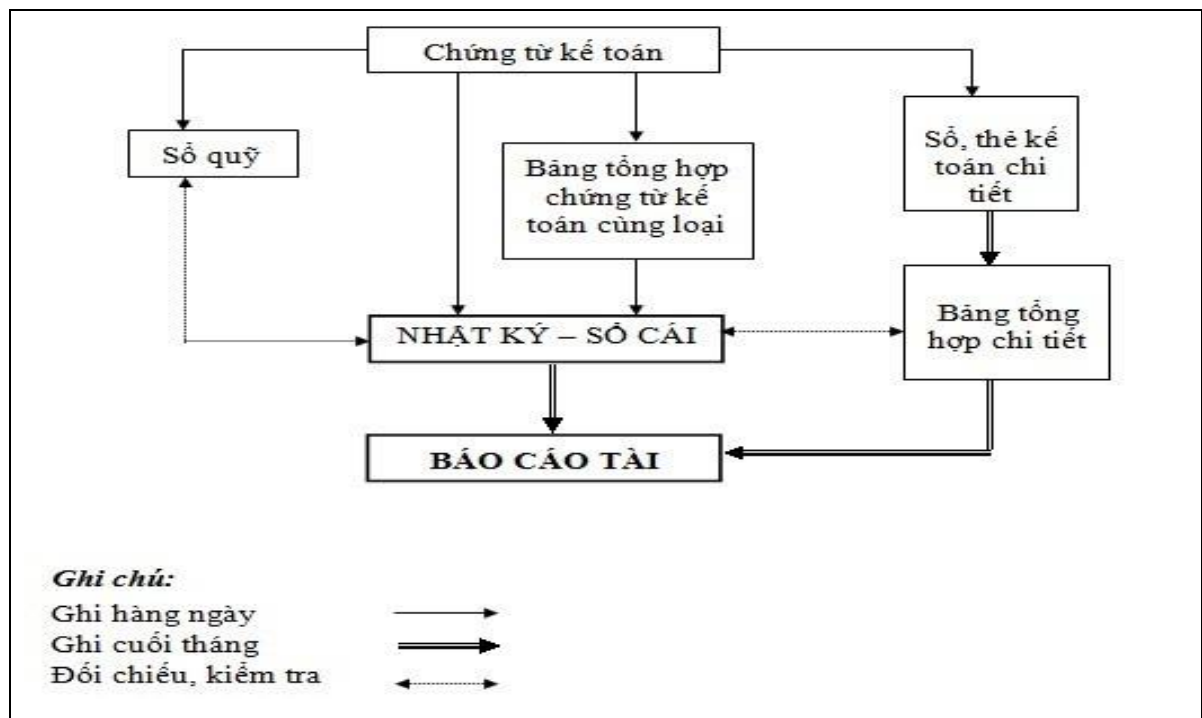
1.4. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1.4.1. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung



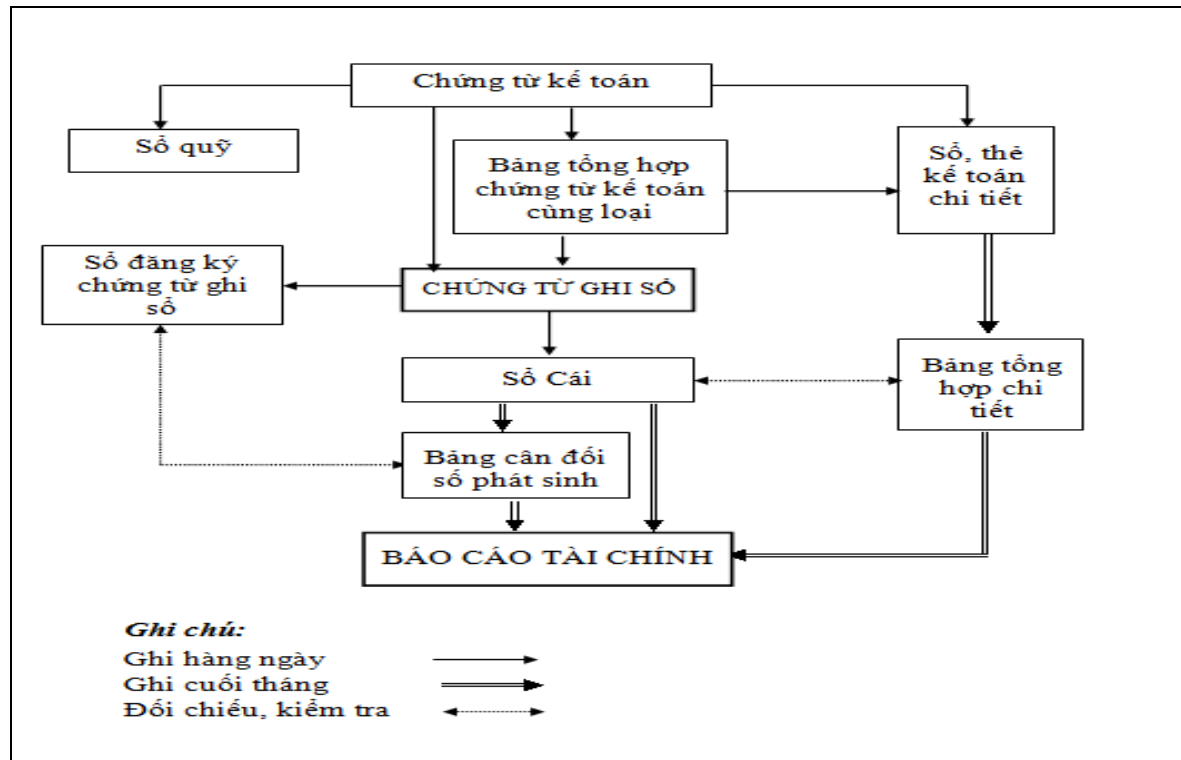
Sơ đồ 1. 3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.4.2. Hình thức sổ kế toán Nhật ký- sổ cái



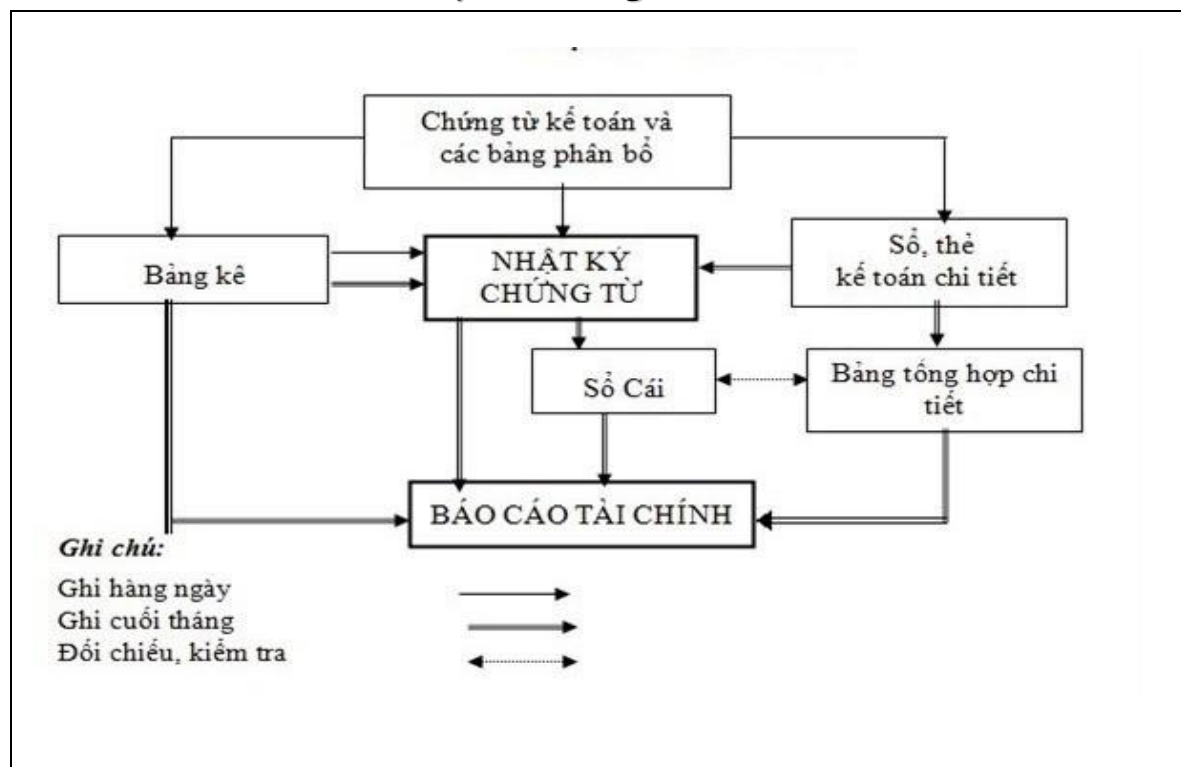
Sơ đồ 1. 4 Trình tự ghi sổ kế toán hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1. 5 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật kí- chứng từ



Sơ đồ 1. 6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Chương 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2.1.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty

Tên công ty: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

Địa chỉ: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Mã số thuế: **2700278075**

Giám đốc: Bùi Văn Hoà

Điện thoại: 02293502888

Năm thành lập: 2003

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên ngoài nhà nước.

Khu du lịch Tam Cốc- Bích Động bắt đầu được đưa vào khai thác phục vụ khách tham quan từ năm 1992 do bên văn hóa quản lý. Đến tháng 4 năm 1993 trung tâm du lịch Tam Cốc - Bích Động được thành lập có chức năng chính là quản lý các hoạt động tham quan tại khu du lịch Tam Cốc - Bích Động.

Đến năm 1996 trung tâm du lịch Tam Cốc - Bích Động được sát nhập vào trung tâm Lữ Hành Quốc tế và đổi tên thành công ty du lịch Tam Cốc – Bích Động.

Đến năm 1997 công ty du lịch Tam Cốc - Bích Động lại sát nhập với công ty khách sạn non nước và đổi tên thành công ty du lịch Ninh Bình.

Đến đầu năm 2003 thực hiện chủ trương cổ phần hoá của nhà nước công ty du lịch Ninh Bình được cổ phần hóa và đổi tên thành công ty cổ phần du lịch Ninh Bình.

Và đến cuối năm 2003, thực hiện việc đổi mới trong hoạt động kinh doanh theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức hoạt động của một số đơn vị hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch nhằm nâng cao hơn

nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh trên thị trường, công ty TNHH dịch vụ du lịch Bích Động chính thức hoạt động

Công ty được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0902000113 cấp ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Bình. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, kế toán độc lập, có tài khoản tại ngân hàng và sử dụng con dấu theo quy định của nhà nước.

Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động do ông Bùi Xuân Hoà làm người đại diện theo pháp luật. Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH hai thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và hệ thống pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Với tinh thần vươn lên và ý chí quyết tâm giúp cho Công ty ngày một lớn mạnh, không ngừng nỗ lực phấn đấu để mở rộng thị trường tiêu thụ, từ một doanh nghiệp nhỏ đã phát triển thành một Công ty có vị thế chắc chắn, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế của tỉnh Ninh Bình. Bên cạnh đó công ty luôn chấp hành đúng mọi quy định của pháp luật, nghĩa vụ với Nhà nước, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Sau hơn 20 năm đi vào hoạt động dưới sự lãnh đạo tài tình của ban Giám đốc, sự nỗ lực, cố gắng của cán bộ công nhân viên Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động ngày càng lớn mạnh, tạo nhiều công ăn việc làm và đóng góp đáng kể vào ngân sách tỉnh.

Với những thành quả đã đạt được trong quá trình xây dựng và trưởng thành, công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động đã nhận được rất nhiều giấy khen, bằng khen của tỉnh thành phố trao tặng như: bằng khen của UBND thành phố Ninh bình trao tặng thành tích góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, bằng khen thực hiện tốt chính sách thuế của cục thuế thành phố.

Định hướng phát triển của công ty

Thị trường xây dựng và du lịch đang có xu hướng phát triển rất mạnh và dần khẳng định vai trò của mình trong nền kinh tế. Đã có rất nhiều doanh nghiệp tham gia vào 2 lĩnh vực này và bước đầu đạt được những kết quả nhất định. Tuy

nhiên, chính điều này đã tác động tạo ra tính cạnh tranh cao trong nội bộ ngành đòi hỏi các doanh nghiệp phải chủ động trong việc tìm kiếm thị trường, chủ động thay đổi để thích ứng bắt kịp với xu thế chung của thời đại. Để làm được điều đó đòi hỏi công ty phải chuẩn bị tốt về mọi mặt cũng như có những định hướng đúng đắn.

Tăng cường công tác tham gia đấu thầu các công trình XD CB trong và ngoài địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

Dựa trên ưu thế về nguồn tài chính ổn định sẵn có, Công ty sẽ tập trung mạnh và đột phá vào việc đầu tư cải tiến trang thiết bị và công nghệ thi công xây dựng hiện có cho ngang bằng trình độ với các doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, rút ngắn tiến độ và nâng cao chất lượng thi công các công trình xây dựng.

Tăng cường kiểm soát công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp tại các công trường.

Nghiên cứu cải tiến hình thức tổ chức thi công để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí mang lại hiệu quả cao nhất.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức hoạt động để tạo ra tính khoa học, đồng bộ và hiệu quả trong hoạt động của công ty, xây dựng các chính sách mới trong quản lý và tuyển dụng lao động, trẻ hóa đội ngũ công nhân viên có trình độ và năng lực. Công ty cũng có những chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng lao động trong toàn công ty.

2.1.1.2. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

Biểu 2. 1 Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong ba năm 2021,2022,2023

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh			
				Chênh lệch năm 2022 với năm 2021		Chênh lệch năm 2023 với năm 2022	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1. Tổng tài sản	36.781.588.094	37.227.593.039	37.977.162.623	446.004.945	1.21	749.569.584	2.01
2. Vốn chủ sở hữu	8.858.456.741	8.987.632.840	9.155.556.170	129.176.099	1.46	167.923.330	1.86
3. Doanh thu	7.125.558.003	7.368.964.119	7.892.334.187	243.406.116	3.41	523.370.068	7.10
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	951.226.360	964.063.256	994.965.984	12.836.896	1.34	30.902.728	3.20
5. Thuế TNDN phải nộp	192.245.272	195.812.651	198.993.197	3.567.379	1.85	3.180.546	1.62
6. Lợi nhuận sau thuế	758.981.088	768.250.605	795.972.787	9.269.517	1.22	27.722.182	3.60
7. Tổng lao động	22	25	27	3	13.64	2	8.00
8. Thu nhập bình quân	7.000.000	7.200.000	7.500.000	200.000	2.86	300.000	4.17

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

Nhận xét:

Qua số liệu trên cho ta đánh giá khái quát quá trình tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty như sau:

Tổng tài sản của Công ty 2022 là 37.227.593.039 so với năm 2021 tăng 446.004.945 đồng tương ứng tăng 1.21 %. Năm 2023 là 37.977.162.623 đồng tương đương tăng 2.01 % so với năm 2022. Tài sản cố định tăng đều qua các năm điều này cho thấy quy mô kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng nhất năm 2023, bên cạnh đó năm 2022, 2023 vốn chủ sở hữu cũng tăng lên là do Công ty kinh doanh có lãi.

Nguồn vốn chủ sở hữu năm 2022 là 8.987.632.840 tăng 129.176.099 so với năm 2021 tương ứng tỷ lệ tăng là 1.46 %, năm 2023 đạt 9.155.556.170 đồng tăng 167.923.330 đồng so với năm 2022 tương ứng với 1.86%. Mặt khác cơ cấu vốn chủ sở hữu so với tổng nguồn vốn chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, điều này cho thấy Công ty đang vay vốn, hoặc chiếm dụng vốn tăng nợ phải trả để dự trữ hàng hóa, hoặc đầu tư xây dựng cơ bản. Vì vậy Công ty nên chú ý đến vấn đề tài chính.

Doanh thu của công ty nhìn qua các năm có sự biến động khá lớn, cụ thể: năm 2022 so với năm 2021 tăng 243.406.116 đồng tương ứng tăng 3.41%, năm 2023 so với năm 2022 tăng 523.370.068 tương ứng tăng 7.10 %.

Lợi nhuận trước thuế cũng có sự thay đổi năm 2022 so với năm 2021 tăng 12.836.896 đồng, năm 2023 so với năm 2022 tăng 30.902.728 đồng. Điều này cho thấy rằng sau ảnh hưởng của đại dịch covid doanh nghiệp đã ổn định trở lại.

Vì lợi nhuận trước thuế tăng nên các khoản thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế của công ty cũng tăng qua các năm. Thuế TNDN phải nộp năm 2022 tăng so với năm 2021 là 3.567.379 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 1.85%, năm 2023 tăng 3.180.546 đồng tương ứng tốc độ tăng 1.62 % so với năm 2022

Việc doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế biến động là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự thay đổi cho lợi nhuận sau thuế của công ty. Lợi nhuận sau

thuế năm 2022 so với năm 2021 đã tăng với mức chênh lệch là 9.269.517 đồng tương ứng tăng 1.22 %, năm 2023 so với năm 2022 tăng 27.722.182 đồng tương ứng tăng 3.6%.

Tổng lao động qua các năm với số lượng không nhiều, năm 2022 tăng 3 người so với năm 2021 tương ứng tốc độ tăng là 13.64%, năm 2023 tăng 2 người so với năm 2022 tương ứng với tốc độ tăng là 8%.

Thu nhập bình quân của người lao động được cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân năm 2022 so với năm 2021 đã tăng 200.000 đồng tương ứng tốc độ tăng là 2.86%. Năm 2023 thu nhập bình quân của người lao động tăng 300.000 đồng so với năm 2022 tương ứng với tốc độ tăng là 4.17%. Kết quả cho thấy công ty đang chú trọng đến nâng cao thu nhập cho người lao động.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là một số nét khái quát về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty, mới chỉ đem lại cái nhìn tổng quan. Muốn khẳng định rõ hơn thì cần phải xem xét ở nhiều phương diện, điều này được thể hiện rõ khi phân tích báo cáo tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

2.1.2. Đặc điểm hoạt động của công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động.

2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty

Chức năng

Hiện Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động là 1 trong những đơn vị có hoạt động xây dựng và du lịch lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu là đấu thầu xây dựng đường, xây dựng công trình thủy lợi, xây dựng và tổ chức du lịch.

Nhiệm vụ

Xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của thị trường trong nước để xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án kinh doanh.

Quản lý và sử dụng vốn kinh doanh đúng chế độ chính sách, đạt hiệu quả kinh tế cao. Tự tạo nguồn vốn và bảo quản nguồn vốn, đảm bảo tự trang trải về tài chính.

Chấp hành đầy đủ các chính sách, chế độ luật pháp của Nhà nước và các quyết định của Bộ Tài Chính.

Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng mua bán, hợp đồng liên doanh, hợp tác đầu tư với các tổ chức kinh tế quốc doanh và các thành phần kinh tế khác.

2.1.2.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh

➤ Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ
- Xây dựng công trình đường bộ
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch

➤ Đặc điểm ngành nghề kinh doanh

Xây dựng: Xây dựng là một ngành rất đặc biệt, nó không giống như các ngành sản xuất vật chất khác. Do vậy mà việc tổ chức sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp xây dựng rất phức tạp do thời gian thi công thường rất dài, lại có nhiều hạng mục công trình. Các giai đoạn của quy trình thi công công trình:

Hồ sơ dự thầu: khi nhận được thông tin mời thầu thì ban lãnh đạo công ty cùng các phòng ban phối hợp với nhau làm hồ sơ dự thầu bao gồm biện pháp thi công và dự toán thi công.

Biện pháp thi công: mô tả công trình, quy mô và đặc điểm của công trình, đưa ra biện pháp thi công tổng hợp rồi sau đó đưa ra biện pháp thi công chi tiết.

Dự toán đấu thầu:

- Lập bảng dự toán chi tiết gồm có khối lượng, đơn giá vật liệu, nhân công, máy móc thi công.

- Lập bảng vật tư và bù chênh lệch giá.

- Lập bảng tính cước vận chuyên.

- Từ bảng chi tiết trên lập bảng tổng hợp chi phí.

Tham gia đấu thầu: Cử người đi tham gia đấu thầu

Ký kết hợp đồng kinh tế: sau khi đã trúng thầu thì ký kết hợp đồng kinh tế bao gồm những điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận.

Tiến hành thi công: sau khi ký kết hợp đồng kinh tế thì lập ban chỉ huy công trường và tiến hành thi công.

Nghiệm thu từng giai đoạn: thi công xong giai đoạn nào thì tiến hành nghiệm thu giai đoạn đó.

Nghiệm thu công trình: sau khi tất cả các giai đoạn hoàn thành xong, tiến hành nghiệm thu toàn bộ công trình để đưa vào sử dụng.

Du lịch

Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động là một danh thắng có cảnh quan tự nhiên hùng vĩ, thơ mộng và mang một vẻ đẹp hoang sơ, có sự kết hợp giữa cảnh quan tự nhiên và các di tích lịch sử văn hóa. Đặc biệt là hệ thống hang động độc đáo, có các hệ sinh thái phong phú, núi non trùng điệp xen kẽ với các thung ngập nước, các dòng chảy với các thảm thực vật phủ kín sườn núi và chân núi, cung cấp các dịch vụ phục vụ du khách di tham quan nơi đây như:

- Tổ chức các hoạt động hướng dẫn tham quan cho khách du

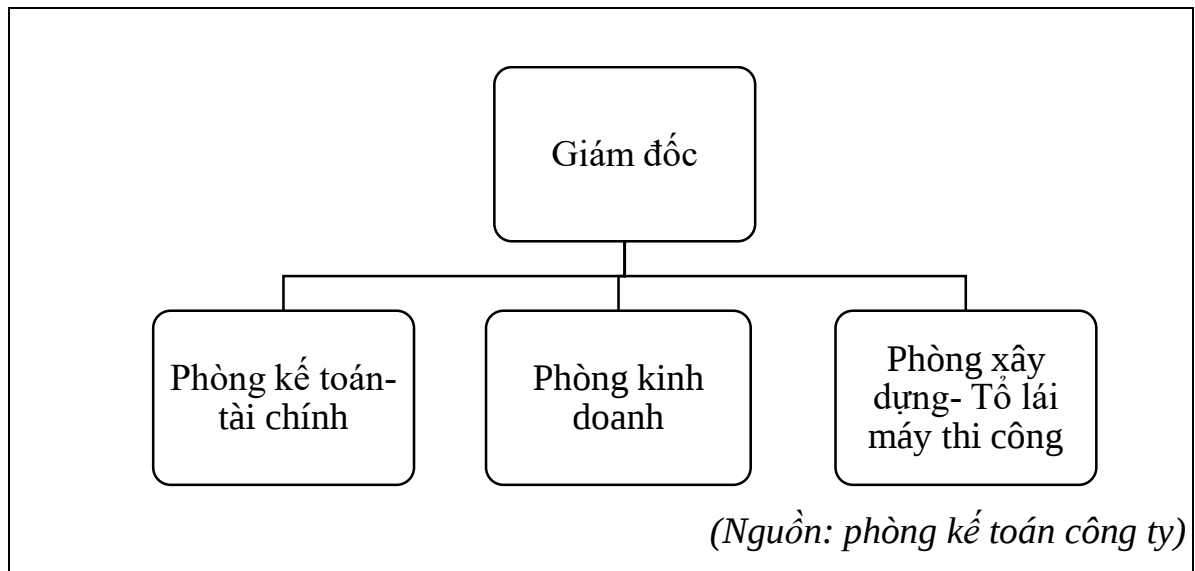
- Tổ chức điều động và hướng dẫn việc vận chuyển khách bằng đò tại điểm tham quan.

- Tổ chức hoạt động bán vé tham quan cho khách.

- Tổ chức dịch vụ coi xe cho khách tham quan.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

Để phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý, Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến tham mưu. Với cơ cấu này các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc, vừa phát huy được năng lực chuyên môn của phòng ban chức năng, vừa đảm bảo quyền chỉ huy, điều hành của giám đốc. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. 1 Sơ đồ bộ máy của công ty

Giám đốc: Là người đứng đầu công ty có vị trí và thẩm quyền cao nhất Công ty, chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, phụ trách trực tiếp các phòng ban: Phòng kế toán, phòng kinh doanh, phòng kế hoạch.

Phòng kế toán – tài chính: có nhiệm vụ làm công tác quản lý toàn diện về tài chính, thu thập và cung cấp đầy đủ các mặt hoạt động tài chính và thông tin kinh tế, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách Nhà nước về quản lý kinh tế tài chính, lãng phí, vi phạm kỷ luật tài chính. Chủ động tham mưu cho lãnh đạo công ty trong công tác đảm bảo vấn đề tài chính của Công ty; Lập kế hoạch tài chính cho từng tháng, từng quý, từng năm; Trực tiếp giám sát theo dõi quá trình tạm ứng, thanh toán của Công ty cho cán bộ công nhân viên. Trực

tiếp làm việc với các cơ quan nhà nước về các lĩnh vực thuế, kiểm toán, báo cáo tài chính. Tham mưu cho lãnh đạo về các vấn đề công nợ của Công ty. Duy trì và hoàn thiện các chức năng và nhiệm vụ tài chính.

Phòng kinh doanh: Thực hiện các thủ tục pháp lý về công tác hợp đồng kinh tế và các dự án đầu tư. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện hợp đồng đã ký kết, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh, những bất hợp lý để tham mưu cho Giám đốc xử lý. Khi hợp đồng thực hiện xong phải nghiệm thu đưa vào sử dụng đồng thời tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng để làm cơ sở thanh toán giữa các bên, thanh toán công nợ. Phòng kinh doanh của Công ty kiêm luôn cả nhiệm vụ Marketing.

Phòng xây dựng- tổ lái máy thi công: Có nhiệm vụ thi công, lập quyết toán các công trình, hạng mục công trình theo hợp đồng do công ty giao, tham gia nghiệm thu công tác thực hiện. Quản lý, bảo dưỡng, sử dụng các loại xe chuyên dụng, công cụ lao động, nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho công tác được an toàn và hiệu quả.

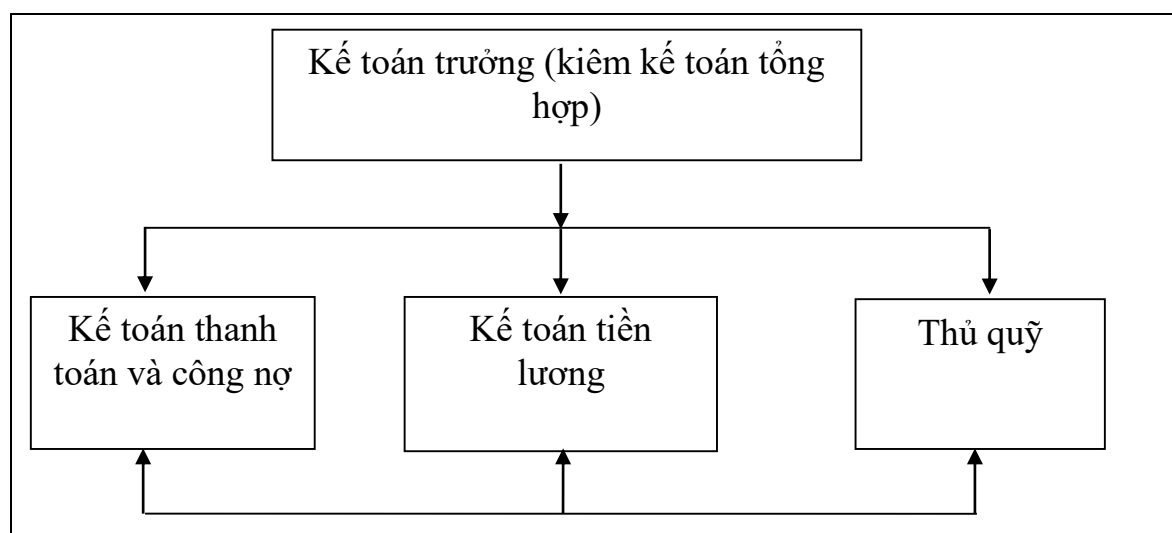
Như vậy, công ty có cơ cấu theo kiểu trực tuyến, giám đốc là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của công ty thông qua các phòng ban. Các công văn, lệnh từ giám đốc đều xuống các phòng ban.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty theo mô hình tập chung, kế toán trưởng là người chỉ đạo phòng kế toán. Nhiệm vụ phòng kế toán của công ty là bám sát quá trình kinh doanh phản ánh và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời chính xác phục vụ cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh. Đồng thời ghi chép sổ kế toán và trực tiếp các nghiệp vụ phát sinh toàn công ty.

Với nhiệm vụ như vậy bộ máy kế toán của công ty được tổ chức bố trí theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. 2 Sơ đồ bộ máy kế toán Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp: Là người đứng đầu bộ máy kế toán của doanh nghiệp, có trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán trong đơn vị, duyệt các chứng từ, kiểm tra số liệu, ký các quyết toán. Hướng dẫn, thể chế và cụ thể hoá kịp thời các chính sách, chế độ tài chính kế toán của Nhà nước. Lập báo cáo tài chính, các bảng cân đối kế toán, báo cáo thuế, thuyết minh báo cáo tài chính theo yêu cầu quản lý. Kiểm tra, chỉ đạo việc hạch toán kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác tài chính kế toán tại đơn vị.

Kế toán thanh toán và công nợ: Lập chứng từ và ghi sổ kế toán chi tiết công nợ, thanh toán, lập báo cáo công nợ và các báo cáo thanh toán. Theo dõi tình hình biến động của tiền gửi ngân hàng, công nợ của các cá nhân và tổ chức.

Kế toán tiền lương: chịu trách nhiệm quản lý, tính toán và hạch toán tiền lương, các khoản trích theo lương dựa vào các dữ liệu về bảng chấm công, hợp đồng lao động, phụ cấp, ... để phục vụ cho công tác lập bảng tính lương, thanh toán lương và các chế độ bảo hiểm cho người lao động sao cho đạt độ chính xác cao nhất. Bên cạnh đó, kế toán tiền lương còn phải đảm bảo cân bằng giữa chi phí lương cho nhân viên và chi phí của doanh nghiệp.

Thủ quỹ: Trực tiếp lập các phiếu thu chi thanh toán, tạm ứng của Công ty. Lập ủy nhiệm chi, séc tiền mặt, séc chuyển khoản. Chịu trách nhiệm làm hồ sơ tín dụng, hồ sơ vay vốn và các nghiệp vụ có liên quan đến ngân hàng. Ghi sổ kế toán chi tiết tiền mặt, sổ kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng để đối chiếu với sổ tổng hợp kịp thời phát hiện các khoản chi không đúng chế độ, sai nguyên tắc, lập báo cáo thu chi tiền mặt. Căn cứ theo chứng từ hợp lệ, ghi sổ quỹ và lập báo cáo quỹ hàng ngày. Chi tiền mặt và các chứng từ có giá trị bằng tiền của công ty. Tổ chức quản lý, theo dõi quỹ tiền mặt, quy trình thu chi quỹ một cách khoa học, liên tục, chính xác và đúng nguyên tắc. Hàng ngày thực hiện kiểm kê, đối chiếu lại quỹ tiền mặt.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty có chế độ kế toán áp dụng **Thông tư 133/2016/TT-BTC**.

Hình thức kế toán Công ty áp dụng là hình thức kế toán tập chung.

Sử dụng hình thức **Nhật ký chung**.

Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: **“Nhật ký chung”**

Đồng tiền sử dụng: VNĐ

Phương pháp kế toán ngoại tệ: Tỷ giá giao dịch thực tế

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng

Niên độ kế toán: Được xác định theo năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm trùng với năm dương lịch.

❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Nhật ký đặc biệt:
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:

+) Hàng ngày:

- Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kê toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kê toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, sau khi đã loại trừ sổ trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

+) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:

Cuối tháng (quý, năm) kế toán khóa sổ và thẻ chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, kế toán đối chiếu kiểm tra số liệu giữa sổ Nhật ký chung, sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết với nhau để làm cơ sở lập báo cáo tài chính.

❖ **Tổ chức sổ sách kế toán**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái (dùng cho hình thức NKC).
- Sổ quỹ tiền mặt.
- Sổ tiền gửi NH.
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa.
- Thẻ kho.
- Sổ TSCĐ.
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua người bán.
- Sổ chi tiết tiền vay.

- Sổ chi tiết bán hàng.
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

❖ ***Tổ chức hệ thống chứng từ***

Hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty được áp dụng theo Thông tư 133/2016/TT-BCT ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính áp dụng cho các Công ty công nghiệp, thương mại:

Các chứng từ gốc theo quy định chung được sử dụng gồm:

- Chứng từ về tiền: Phiếu thu-chi, uỷ nhiệm thu - chi, giấy đề nghị tạm ứng...
- Chứng từ về hàng tồn kho: Phiếu nhập - xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, ...
- Chứng từ về TSCĐ: Biên bản giao nhận TSCĐ, thẻ TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, ...
- Chứng từ về lao động, tiền lương: Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương và BHXH, ...
- Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn GTGT

Quá trình luân chuyển chứng từ:

Các nghiệp vụ phát sinh ở bộ phận nào thì bộ phận đó lập chứng từ gốc, sau đó luân chuyển về bộ phận kế toán. Tất cả các chứng từ kế toán do doanh nghiệp lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung ở bộ phận kế toán. Bộ phận kế toán kiểm tra những chứng từ kế toán đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh tính hợp lý của chứng từ thì mới dùng những chứng từ đó để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán gồm các bước sau:

- Lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ kế toán.
- Kế toán viên, kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán hoặc trình giám đốc ký duyệt.
- Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán.

- Lưu trữ, bảo quản chứng từ.
- Ghi sổ kế toán.
- Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.

❖ ***Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán***

Hệ thống tài khoản: Theo chế độ tài khoản kế toán Công ty quyết định Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính

Công ty mở các tài khoản kế toán cấp 1, cấp 2 theo danh mục hệ thống tài khoản kế toán.

❖ ***Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán***

- + Bảng cân đối kế toán (Mẫu F01 – DNN).
- + Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu B02 – DNN).
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03 – DNN).
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09 – DNN).

2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG

2.2.1. Đặc điểm về lao động, công tác quản lý lao động tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm về lao động

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, công ty luôn coi trọng việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng lao động hợp lý nhằm mục đích đem lại năng suất lao động cao nhất, tạo điều kiện cho lao động trong công ty phát huy hết khả năng của mình để xây dựng công ty ngày càng phát triển. Để hạch toán lao động, trước hết kế toán phải nắm bắt được số lượng lao động toàn Công ty, đồng thời phản ánh kịp thời chính xác tình hình sử dụng lao động, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật lao động. Công ty đã đi vào hoạt động 20 năm với rất nhiều thay đổi về nhân sự, hiện nay công ty có tổng số lao động là 27 người.

Biểu 2. 2 Cơ cấu lao động tại công ty

Chỉ tiêu	Tổng số lao động	Giới tính		Độ tuổi		Trình độ		
		Nam	Nữ	18 – 30 tuổi	≥ 30	Đại học	Cao đẳng	Phổ thông
Số người	27	19	8	15	12	14	-	13
Tỉ trọng (%)	100	70.4	29.6	55.5	44.5	40.7	-	59.3

Nguồn: Phòng kế toán

Cơ cấu về giới tính: Lao động nam chiếm đa số, có 19 người chiếm 70.4%. Tỷ lệ này là hợp lý vì Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng là chủ yếu nên đòi hỏi phải có sức khỏe và chịu được vất vả. Lao động nữ có 8 người chiếm 29,6% chủ yếu là nhân viên làm việc tại văn phòng.

Cơ cấu về độ tuổi: Lao động trẻ độ tuổi từ 18 - 30 chiếm 55.5%, đây là lực lượng lao động có sức khỏe tốt, khả năng ứng dụng và đổi mới nhanh nhạy và linh hoạt trong công việc. Lao động trong độ tuổi ≥ 30 chiếm tỷ trọng 44.5%, là lực lượng lao động ổn định, sức lao động dẻo dai và nhiều kinh nghiệm.

Cơ cấu về trình độ: Trình độ lao động của người lao động phù hợp với doanh nghiệp. Lao động có trình độ đại học chiếm 51,85%, lực lượng này chủ yếu làm công việc văn phòng và quản lý. Lao động phổ thông chiếm tỷ lệ 48,15% chủ yếu làm công việc xây dựng công trình.

2.2.1.2. Công tác quản lý lao động của công ty

Công ty quản lý lao động tương đối chặt chẽ, việc sử dụng lao động ở Công ty được thực hiện theo đúng quy định và đảm bảo các chế độ theo luật lao động. Tất cả mọi người trong Công ty phải có trách nhiệm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Công nhân viên tại Công ty được hưởng các chế độ chính sách sau:

- Được đảm bảo các quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật: Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ bảo hiểm khác cho người lao động.

- Được trả lương đúng thời hạn, mức tiền lương do người lao động thỏa thuận với Công ty căn cứ vào công việc và năng lực của mỗi người nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

- Được trang bị các phương tiện, thiết bị, đồ dùng cần thiết phục vụ cho công việc mà mình đảm nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Công nhân viên trong Công ty sẽ được tạo điều kiện về thời gian để tham gia các lớp học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Ngoài những quyền lợi được hưởng, công nhân viên phải thực hiện đúng nội quy, quy chế an toàn lao động tại Công ty và nơi làm việc.

2.2.2. Chính sách, chế độ tiền lương trong công ty

2.2.2.1. Nguyên tắc tính trả lương

Để hạch toán thời gian lao động cho cán bộ nhân viên, công ty đã sử dụng bảng chấm công. Ở Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động hình thức chấm công là chấm công theo ngày và việc chấm công được giao cho người phụ trách bộ phận.

Bảng chấm công: Hàng ngày người được ủy quyền căn cứ vào tình hình thực tế của bộ phận mình để chấm công cho từng người trong ngày, ghi vào ngày tương ứng trong các cột từ cột 1 đến cột 31 theo các ký hiệu quy định trong chứng từ. Cuối tháng, người chấm công và người phụ trách bộ phận ký vào Bảng chấm công và chuyển Bảng chấm công cùng các chứng từ liên quan như Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH, giấy xin nghỉ việc không hưởng lương,... về bộ phận kế toán kiểm tra, đối chiếu quy ra công để tính lương và bảo hiểm xã hội. Kế toán tiền lương căn cứ vào các ký hiệu chấm công của từng người tính ra số ngày công theo từng loại tương ứng. Ngày công được quy định

là 8 giờ. Khi tổng hợp quy thành ngày công nếu còn giờ lẻ thì ghi số giờ lẻ bên cạnh số công và đánh dấu phẩy ở giữa.

Bảng thanh toán tiền lương: Bảng thanh toán tiền lương được lập hàng tháng. Cơ sở để lập Bảng thanh toán tiền lương là các chứng từ liên quan như: Bảng chấm công, giấy nghỉ phép, giấy báo ốm... Cuối mỗi tháng căn cứ vào chứng từ liên quan, kế toán tiền lương lập Bảng thanh toán tiền lương chuyển cho kế toán trưởng soát xét xong trình cho giám đốc hoặc người được ủy quyền ký duyệt, chuyển cho kế toán lập phiếu chi và phát lương. Bảng thanh toán tiền lương được lưu tại phòng (ban) kế toán của đơn vị.

Căn cứ tính lương là hệ số lương của người lao động và mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Bảng chấm công được hoàn thành vào ngày cuối cùng của tháng.

Công ty hiện đang làm việc 26 ngày/ Tháng đối với khối văn phòng, 28 ngày/ tháng với nhân viên xây dựng. Bảng chấm công do từng phòng ban theo dõi, ghi chép một cách cụ thể về ngày nghỉ và lý do nghỉ.

Công ty trả lương cho nhân viên vào ngày mùng 5 của tháng sau. Mỗi lần lĩnh lương, người lao động phải trực tiếp ký vào cột “Ký nhận” .

2.2.2.2. Các hình thức trả lương áp dụng tại công ty

➤ Hình thức trả lương theo thời gian

Lương thời gian được tính theo công thức sau:

$$\text{Lương} = \frac{\text{Lương cơ bản}}{\text{Tổng số ngày làm việc trong tháng}} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}$$

$$\text{Tổng lương} = \text{Lương thời gian} + \text{Các khoản phụ cấp}$$

$$\text{Lương thực nhận} = \text{Tổng lương} - \text{Các khoản trích theo lương}$$

Căn cứ vào bảng chấm công, kế toán tính được số ngày làm việc và các chỉ tiêu trên bảng thanh toán lương.

Thực lĩnh = Lương chính + Phụ cấp + Trợ cấp – Các khoản giảm trừ

Trong đó: Các khoản giảm trừ: BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN

Thuế TNCN = Thu nhập tính thuế TNCN * Thuế suất

Thu nhập tính thuế TNCN	=	Thu nhập chịu thuế TNCN	-	Giảm trừ bản thân	-	Giảm trừ người phụ thuộc	-	BHXH, BHYT, BHTN	-	Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo
-------------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------------	---	--------------------------------	---	------------------------	---	---

*** Các khoản giảm trừ để tính thuế TNCN**

- Căn cứ vào Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ban hành ngày 02/06/2020 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội có hiệu lực từ ngày 01/07/2020 quy định:

- + Mức giảm trừ bản thân đối với người nộp thuế là 11.000.000đ/tháng.
- + Mức giảm trừ đối với người phụ thuộc là 4.400.000 đ/tháng.
- Các khoản bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN.

Biểu 2. 3 Thuế suất thuế TNCN

Bậc	Thu nhập tính thuế/ tháng	Thuế suất	Tính số thuế phải nộp	
			Cách 1	Cách 2
1	Đến 5 triệu đồng (trở)	5%	0 trở +5% TNTT	5% TNTT
2	Trên 5 trở đến 10 trở	10%	0,25 trở + 10% TNTT trên 5 trở	10% TNTT – 0,25 trở
3	Trên 10 trở đến 18 trở	15%	0,75 trở + 15% TNTT trên 10 trở	15% TNTT – 0,75 trở
4	Trên 18 trở đến 32 trở	20%	1,95 trở + 20% TNTT trên 18 trở	20% TNTT – 1,65 trở
5	Trên 32 trở đến 52 trở	25%	4,75 trở + 25% TNTT trên 32 trở	25% TNTT – 3,25 trở
6	Trên 52 trở đến 80 trở	30%	9,75 trở + 30% TNTT trên 52 trở	30% TNTT – 5,85 trở
7	Trên 80trở	35%	18,15 trở + 35% TNTT trên 80 trở	35% TNTT – 9,85 trở

➤ **Hình thức trả lương theo doanh thu:** Công ty áp dụng hình thức trả lương theo doanh thu đối với nhân viên phòng kinh doanh (lao động trực tiếp góp phần làm tăng doanh thu của Công ty).

Công thức:

$$\text{Lương thực tế} = \text{Lương hợp đồng} + \text{Lương doanh thu}$$

$$\text{Tổng lương} = \text{Lương thực tế} + \text{Các khoản phụ cấp} + \text{Thưởng}$$

$$\text{Lương thực nhận} = \text{Tổng lương} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

Căn cứ vào doanh thu của từng nhân viên trong tháng để tính lương đối với nhân viên phòng kinh doanh như sau:

- + Nếu doanh thu < 50.000.000 đồng/tháng thì thưởng % doanh thu = 0.
- + Nếu doanh thu đạt từ 50.000.000 đồng/tháng đến dưới 100.000.000 đồng/tháng thì thưởng doanh thu là 1,0%.
- + Nếu doanh thu đạt từ 100.000.000 đồng/tháng đến dưới 150.000.000 đồng/tháng thì thưởng doanh thu là 1,5%.
- + Nếu doanh thu đạt từ 150.000.000 đồng/tháng trở lên thì thưởng doanh thu là 2,0%.

Trong thời gian thực tập tại Công ty, qua tìm hiểu Công ty trả theo lương thời gian đối với bộ phận quản lý và bộ phận xây dựng, áp dụng hình thức lương theo doanh thu đối với bộ phận kinh doanh

Công ty áp dụng mức lương tính tối thiểu vùng để tính bảo hiểm

Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động nằm trên địa bàn huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình nên áp dụng mức lương đóng BHXH là 3.640.000 đồng/tháng. Công ty áp dụng mức lương tối thiểu vùng của người lao động đã qua đào tạo nghề cao hơn 7% so với mức lương tối thiểu vùng.

2.2.2.3. Các thu nhập khác ngoài lương

- + Đối với nhân viên quản lý và nhân viên kinh doanh
 - Hỗ trợ xăng xe : 500.000 đồng
 - Phụ cấp làm đẹp: 1.000.000/GĐ, 500.000 đồng/NV
 - Phụ cấp cấp bậc: 5.000.000đ/ giám đốc/ tháng, 3.000.000đ/KTT/tháng

- Chuyên cần: đối với 1 tháng tiêu chuẩn 26 công/tháng thì chuyên cần sẽ là: 300.000đồng/người/26công; 150.000đ/người/25công; 0 đồng/người/24 công

+ Đối với nhân viên xây dựng

- Phụ cấp cơm trưa: 500.000 đồng

- Hỗ trợ xăng xe : 500.000 đồng

- Phụ cấp công trình: 1.000.000 đồng/GS, 500.000 đồng/NV

=> Đối với các khoản phụ cấp trên công ty quy định theo thán

+ Đối với những tháng có ngày lễ được quy định chung:

+ Thưởng tết dương lịch: 500.000đ/ Giám đốc, 300.000đ/ Nhân Viên

+ Thưởng tết âm lịch: ½ tháng lương tháng lương cơ bản

+ Thưởng các ngày nghỉ lễ trong năm: 100.000đ/ người

+ Nếu đi làm vào ngày lễ thì nhân đôi lương.

+ Nếu ngày lễ rơi vào ngày chủ nhật thì sẽ được nghỉ bù trước hoặc sau nhưng vẫn được tính lương bình thường.

2.2.3. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương tại công ty

Chế độ trích lập, nộp các khoản trích theo lương tại công ty

Hiện nay Công ty tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho những nhân viên chính thức trong Công ty trên cơ sở tiền lương cơ bản.

Căn cứ theo Quyết định 595/QĐ-BHXH và Công văn 2159/BHXH-BT của Bảo hiểm xã hội Việt Nam áp dụng từ ngày 01 tháng 6 năm 2017.

-Tỷ lệ trích BHXH là 25.5%.

Trong đó: Doanh nghiệp đóng 17.5%

Người lao động đóng 8%

-Tỷ lệ trích BHYT là 4,5%.

Trong đó: Doanh nghiệp đóng 3%

Người lao động đóng 1.5%

-Tỷ lệ trích BHTN là 2 %.

Trong đó: Doanh nghiệp đóng 1%

Người lao động đóng 1%

-Theo chế độ quy định, KPCĐ là 2%

Sử dụng các khoản trích theo lương tại công ty

❖ Bảo hiểm xã hội-BHXH

Chế độ trợ cấp ốm đau: Bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

Chế độ trợ cấp thai sản:

- + Trong thời gian có thai được nghỉ việc đi khám thai 3 lần
- + Trong thời gian sảy thai thì được nghỉ 20 ngày nếu thai dưới 3 tháng, 30 ngày nếu thai từ 3 tháng trở lên.
- + Lao động nữ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng. Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng.
- + Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản trước khi sinh tối đa không quá 02 tháng

Chế độ trợ cấp nuôi con ốm:

- + 20 ngày/năm đối với các con dưới 3 tuổi.
- + 15 ngày/năm đối với các con từ 4 - 7 tuổi.

Chế độ trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

- + Bị tai nạn trong giờ làm việc, tại nơi làm việc kể cả làm việc ngoài giờ do yêu cầu của người sử dụng lao động.
- + Bị tai nạn ngoài nơi làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động.
- + Bị tai nạn trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm. Các trường hợp trên tùy theo mức suy giảm khả năng lao động mà hưởng các mức trợ cấp theo quy định

Chế độ tử tuất: Người lao động đang làm việc khi chết người lao động được hưởng tiền mai táng bằng 8 tháng lương tối thiểu.

❖ Bảo hiểm y tế

Khi người lao động đóng tiền BHYT sẽ được cấp thẻ BHYT để phục vụ cho việc khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế. Quỹ BHYT thanh toán 80% tiền khám chữa bệnh, người lao động chỉ phải trả 20%.

❖ Bảo hiểm thất nghiệp

BHTN là số tiền được trích để trợ cấp cho NLĐ bị mất việc làm.

Điều kiện để được hưởng trợ cấp BHTN là:

- NLĐ đã đóng BHTN 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi mất việc làm.

- NLĐ đã đăng ký BHTN với tổ chức BHXH.

- NLĐ chưa tìm được việc sau 15 ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp.

❖ Kinh phí công đoàn

KPCĐ được trích nhằm mục đích phục vụ cho các hoạt động về công đoàn trong doanh nghiệp. Căn cứ để tính và trích LPCĐ là:

Tiền lương thực tế phải trả cho người LĐ x 2%

Doanh nghiệp tính 2% này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2.3. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG

2.3.1. Kế toán tiền lương

2.3.1.1. Kế toán chi tiết tiền lương

*** Chứng từ kế toán sử dụng tại Công ty**

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng thanh toán tiền thưởng

Biểu 2. 4 Bảng chấm công tháng 1 bộ phận quản lý

Đơn vị : Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

Địa chỉ: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình

Mẫu số 01a-LĐTL

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/06/1016 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 01 năm 2024

TT	Họ và tên	Cấp bậc, Chức vụ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Công thời gian	Công hương lương 100%	Công quy đổi	Công đư
			T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4				
1	Bùi Văn Hòa	Giám đốc	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1
2	Phạm Văn Thư	KTT	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1
3	Phạm Thị Dung	Kế Toán	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1
4	Nguyễn Mỹ Phương	Kế Toán	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1
5	Nguyễn Thị Thảo	Kế Toán	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1
Tổng cộng			5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5		5	5	5	130	5	135	5

Ghi chú:

P: Nghỉ cuối tuần Ô: Ôm X: Lương thời gian

L: Nghỉ lễ TS: Thai sản CĐ: Chế độ

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người chấm công

Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2024

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2. 5 Bảng chấm công tháng 1 phòng kinh doanh

Đơn vị : Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động														Mẫu số 01a-LĐTL																										
Địa chỉ: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình														(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC																										
														Ngày 26/06/1016 của Bộ Tài Chính)																										
BẢNG CHẤM CÔNG																																								
Tháng 01 năm 2024																																								
TT	Họ và tên	Cấp bậc, Chức vụ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Công thời gian	Công hưởng lương 100%	Công quy đổi	Công dư			
			T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4							
1	Đinh Xuân Đăng	KD	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1			
2	Phùng Như Thái	KD	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1			
3	Nguyễn Văn Vích	KD	L	X	X	X	X	X		X	Ô	Ô	Ô	Ô	Ô		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	21	1	22	0			
4	Lương Văn Chung	KD	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1			
5	Phạm Văn Đăng	KD	L	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	26	1	27	1			
....		...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...			
Tổng cộng			5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5		5	5	5	203	8	204	7			
Ghi chú:			P: Nghỉ cuối tuần			Ô: Ôm			X: Lương thời gian																															
			L: Nghỉ lễ			TS: Thai sản			CĐ: Chế độ																															
			Giám đốc									Kế toán trưởng																												
																		Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2024																						
																								Người chấm công																

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2. 6 Bảng chấm công tháng 1 bộ phận xây dựng

Đơn vị : Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

Địa chỉ: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 1

Bộ phận: Xây dựng

TT	Họ và tên	Cấp bậc, Chức vụ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Công thực tế	Công hưởng lương 100%	Công quy đổi	Công dư
			T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4				
1	Phạm Văn Điện	Giám sát	L	X	X	X	X	1/2	X	X	X	X	X	X	X	X	1/2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	29	1	30	0
2	Đỗ Đăng Nhật	Lái ủi	L	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30	1	31	0
3	Nguyễn Văn Quân	Lái xúc	L	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	KL	KL	KL	27	1	28	0
4	Lê Đình Hội	Lái lu	L	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30	1	31	0
5	Bùi Văn Công	Lái máy	L	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	30	1	31	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng			14	14	14	14	14	13,5	14	14	14	14	14	14	14	14	13,5	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	13	13	13	416	14	430	0

Ghi chú:

P: Nghỉ phép
L: Nghỉ lễ
Giám đốc

Ô: Ốm
TS: Thai sản
Kế toán trưởng

X: Lương thời gian
CĐ: Chế độ

KL: Nghỉ không lương
1/2: Nửa ngày

Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người chấm công

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2. 7 Bảng thanh toán lương tháng 1 bộ phận quản lý

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động												Mẫu số 02- LĐTL										
Địa chỉ: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình												(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)										
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 1																						
Bộ phận: Quản lý																						
STT	Họ và tên	Chức vụ	Công tính lương	Lương tính bảo hiểm	Lương thực tế	Các khoản phụ cấp					Trợ cấp	Thu nhập chịu thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Thu nhập tính thuế TNCN	Các khoản phải khấu trừ vào lương					Thực lĩnh	Ký nhận
						PC trách nhiệm	PC làm đẹp	PC xăng xe	Chuyên cần	Thưởng tết dương						BHXH	BHYT	BHTN	Thuế TNCN	Tổng cộng		
A	B	I	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
1	Bùi Văn Hòa	GD	26	6.000.000	20.000.000	5.000.000	1.000.000	500.000	300.000	500.000	-	27.300.000	11.000.000	4.400.000	11.270.000	480.000	90.000	60.000	940.500	1.570.500	25.729.500	
2	Phạm Văn Thư	KT	26	5.500.000	12.000.000	3.000.000	500.000	500.000	300.000	300.000	-	16.600.000	11.000.000	4.400.000	-	440.000	82.500	55.000	-	577.500	16.022.500	
3	Nguyễn Thị Thảo	KT	26	3.894.800	8.000.000	-	500.000	500.000	300.000	300.000	-	9.600.000	11.000.000	-	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	9.191.046	
4	Nguyễn Mỹ Phương	KT	26	3.894.800	7.500.000	-	500.000	500.000	300.000	300.000	-	9.100.000	11.000.000	-	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	8.691.046	
5	Phạm Thị Dung	KT	26	3.894.800	7.000.000	-	500.000	500.000	300.000	300.000	-	8.600.000	11.000.000	-	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	8.191.046	
Cộng			130	23.184.400	54.500.000	8.000.000	3.000.000	2.500.000	1.500.000	1.700.000	-	71.200.000	55.000.000	8.800.000	11.270.000	1.854.752	347.766	231.844	940.500	3.374.862	67.825.138	
Tổng số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu trăm hai mươi lăm nghìn một trăm ba mươi tám đồng																						
Người lập biểu												Kế toán trưởng					Ngày 31 tháng 1 năm 2024					
(Ký, họ tên)												(Ký, họ tên)					Giám đốc					
																	(Ký, họ tên)					

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2. 8 Bảng thanh toán lương tháng 1 bộ phận kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

Địa chỉ: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 1

Bộ phận : Kinh doanh

TT	Họ và tên	Chức vụ	Công tính lương	Lương tính BH	Lương thực tế	Lương doanh thu			Các khoản phụ cấp				Trợ cấp	Thu nhập chịu thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Thu nhập tính thuế TNCN	Các khoản phải khấu trừ vào lương					Thực lĩnh	Ký nhận
						Doanh thu	%	Thành tiền	Xăng xe	PC làm đẹp	Chuyên cần	Thưởng tết dương lịch						BHXH	BHYT	BHTN	Thuế TNC N	Tổng cộng		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đinh Xuân Đăng	KD	26	4.700.000	7.000.000	92.900.000	1,0%	929.000	500.000	500.000	300.000	300.000	-	9.529.000	11.000.000	8.800.000	-	376.000	70.500	47.000	-	493.500	9.035.500	
2	Phùng Như Thái	KD	26	3.894.800	6.500.000	109.950.000	1,5%	1.649.250	500.000	500.000	300.000	300.000	-	9.749.250	11.000.000	4.400.000	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	9.340.296	
3	Nguyễn Văn Vích	KD	22	3.894.800	5.076.923	52.000.000	1%	520.000	423.077	423.077	-	300.000	608.563	7.351.639	11.000.000	4.400.000	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	6.942.685	
4	Lương Văn Chung	KD	26	3.894.800	5.500.000	60.050.000	1%	600.500	500.000	500.000	300.000	300.000	-	7.700.500	11.000.000	4.400.000	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	7.291.546	
5	Phạm Văn Đăng	KD	26	3.894.800	5.000.000	64.200.000	1%	642.000	500.000	500.000	300.000	300.000		7.242.000	11.000.000	4.400.000		311.584	58.422	38.948	-	408.954	6.833.046	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
Cộng			204	31.963.600	43.076.923	478.270.000	5,5%	4.340.750	3.923.077	3.923.077	2.100.000	2.400.000	608.563	60.372.389	88.000.000	30.800.000	-	2.557.088	479.454	319.636	-	3.356.178	57.016.211	

Tổng số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy triệu không trăm mười sáu n nghìn hai trăm mười một đồng.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ninh Bình, Ngày 31 tháng 1 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu 2. 9 Bảng thanh toán lương tháng 1 bộ phận xây dựng

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động																					
Địa chỉ: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình																					
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 1																					
Bộ phận: Xây dựng																					
TT	Họ và tên	Chức vụ	Công tính lương	Lương tính bảo hiểm	Lương thực tế	Các khoản phụ cấp				Trợ cấp	Thu nhập chịu thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Thu nhập tính thuế TNCN	Các khoản phải khấu trừ vào lương					Thực lĩnh	Ký nhận
						PC xăng xe	Ăn trưa	PC công trình	Thưởng tết dương lịch						BHXH	BHYT	BHTN	Thuế TNCN	Tổng cộng		
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V
1	Phạm Văn Điện	Giám sát	30	4.900.000	8.571.429	535.714	535.714	1.071.429	300.000	-	11.014.286	11.000.000	4.400.000	-	392.000	73.500	49.000	-	514.500	10.499.786	
2	Đỗ Đăng Nhật	Lái ủi	31	3.894.800	8.303.571	553.571	553.571	553.571	300.000	-	10.264.286	11.000.000	4.400.000	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	9.855.332	
3	Nguyễn Văn Quân	Lái xúc	28	3.894.800	7.500.000	500.000	500.000	500.000	300.000	-	9.300.000	11.000.000	8.800.000	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	8.891.046	
4	Lê Đình Hội	Lái lu	31	3.894.800	7.750.000	553.571	553.571	553.571	300.000	-	9.710.714	11.000.000	4.400.000	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	9.301.760	
5	Bùi Văn Công	Lái máy	31	3.894.800	7.750.000	553.571	553.571	553.571	300.000	-	9.710.714	11.000.000	4.400.000	-	311.584	58.422	38.948	-	408.954	9.301.760	
	...	...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
Cộng			430	55.532.400	100.767.857	7.678.571	7.678.571	8.214.286	4.200.000	-	128.539.286	154.000.000	57.200.000	-	4.442.592	832.986	555.324	-	5.830.902	122.708.384	
Tổng số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm linh tám nghìn ba trăm tám mươi tư đồng																					
Người lập biểu										Kế toán trưởng										Ngày 31 tháng 1 năm 2024	
(Ký, họ tên)										(Ký, họ tên)										Giám đốc	
																				(Ký, họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trích dẫn: Từ bảng chấm công của phòng và bảng thanh toán tiền lương phòng kế toán ta tính tiền lương phải trả cho ông Bùi Văn Hoà, chức vụ Giám đốc:

- Lương cơ bản: 20.000.000
- Phụ cấp trách nhiệm: 5.000.000
- Phụ cấp làm đẹp: 1.000.000
- Xăng xe: 500.000
- Chuyên cần: 300.000
- Thưởng tết dương lịch: 500.000

=> Thu nhập chịu thuế TNCN: $20.000.000 + 5.000.000 + 1.000.000 + 500.000 + 300.000 + 500.000 = 27.300.000$

- Giảm trừ bản thân: 11.000.000
- Giảm trừ người phụ thuộc: 4.400.000
- BHXH: $6.000.000 \times 8\% = 480.000$
- BHYT: $6.000.000 \times 1,5\% = 90.000$
- BHTN: $6.000.000 \times 1\% = 60.000$

=> Thu nhập tính thuế TNCN: $= 27.300.000 - 11.000.000 - 4.400.000 - 480.000 - 90.000 - 60.000 = 11.270.000$

=> Thuế TNCN: $11.270.000 \times 15\% - 750.000 = 940.500$ (Vì 10 trđ < thu nhập tính thuế TNCN < 18 trđ)

=> Tổng các khoản giảm trừ: $480.000 + 90.000 + 60.000 + 940.500 = 1.570.500$

=> Tiền lương thực lĩnh của ông Bùi Văn Hòa: $30.000.000 + 2.000.000 - 1.570.500 = 25.729.500$

Trích dẫn: Tính lương tháng 01 của anh Nguyễn Văn Vích – nhân viên phòng kinh doanh. Trong đó lương của nhân viên phòng kinh doanh được tính theo lương doanh thu với mức lương mà anh Vích được thỏa thuận trên hợp đồng là 6.000.000 đồng/tháng/26 công.

Lương cơ bản tháng 1 anh Vích nhận là : $6.000.000/26 \times 22 = 5.076.923đ$

Trong tháng 01 anh Nguyễn Văn Vích đạt được doanh thu là 52.000.000 đồng, như vậy lương doanh thu là:

$$52.000.000 \times 1\% = 520.000 \text{ đồng}$$

Các khoản phụ cấp, thưởng của anh Vích là:

- Phụ cấp xăng xe: $500.000/26 \times 22 = 423.077$ đồng
- Phụ cấp làm đẹp: $500.000/26 \times 22 = 423.077$ đồng
- Chuyên cần: 0 đồng/tháng
- Thưởng tết dương lịch: 300.000 đồng
- Trợ cấp BHXH: 608.563 đồng

=> Thu nhập chịu thuế TNCN:

$$5.076.923 + 520.000 + 423.077 + 423.077 + 300.000 + 608.563 = 7.351.640 \text{ đồng}$$

- Giảm trừ bản thân: 11.000.000 đồng
- Giảm trừ người phụ thuộc: 4.400.000 đồng
- Do thu nhập chịu thuế TNCN của anh Nguyễn Văn Vích nhỏ nên sau khi trừ đi khoản giảm trừ thì chị không phải nộp thuế TNCN.

Lương đóng BHXH = 3.894.800 đồng. Trong đó:

- + BHXH: $3.894.800 \times 8\% = 311.584$ đồng
- + BHYT: $3.894.800 \times 1,5\% = 58.422$ đồng
- + BHTN: $3.894.800 \times 1\% = 38.948$ đồng

=> Tổng các khoản giảm trừ: $356.096 + 66.768 + 44.512 = 408.954$ đồng

Vậy tiền lương thực lĩnh của chị Nguyễn Văn Vích là:

$$7.351.640 - 408.954 = 6.942.686 \text{ đồng}$$

Trích dẫn: Tính lương tháng 01 của anh Phạm Văn Điện . Anh Điện là giám sát công trình. Trong đó, lương của anh Điện được tính theo lương thời gian với mức lương 8.000.000 đồng/tháng/28 công. Công dư của tháng được cộng trực tiếp vào lương thực tế.

- Lương hợp đồng: $8.000.000/28 \times 30 = 8.571.429$
- Ngày công thực tế: 30
- Phụ cấp xăng xe: $500.000/28 \times 30 = 535.714$
- Ăn trưa: $500.000/28 \times 30 = 535.714$

- Trách nhiệm: $1.000.000/28*30 = 1.071.429$

- Thuởng tết dương lịch: 300.000

=> Thu nhập chịu thuế TNCN: $8.571.429 + 535.714 + 535.714 + 1.071.429 + 300.000 = 11.014.286$

- Giảm trừ bản thân: 11.000.000

- Giảm trừ người phụ thuộc: 4.400.000

- Do thu nhập chịu thuế TNCN của anh Phạm Văn Điện nhỏ nên sau khi trừ đi khoản giảm trừ thì chị không phải nộp thuế TNCN.

Lương đóng BHXH là 4.900.000 đồng. Trong đó:

+ BHXH: $4.900.000 \times 8\% = 392.000$ đồng

+ BHYT: $4.900.000 \times 1,5\% = 73.500$ đồng

+ BHTN: $4.900.000 \times 1\% = 49.000$ đồng

=> Tổng các khoản giảm trừ:

$392.000 + 73.500 + 49.000 = 514.500$ đồng

Vậy tiền lương thực lĩnh của anh Phạm Văn Điện là:

$11.014.286 - 514.500 = 10.499.786$ đồng

Biểu 2. 10 Phiếu lương nhân viên

Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động		PHIẾU LƯƠNG NHÂN VIÊN THÁNG 1 NĂM 2024	
<i>Đơn vị tính : VND</i>			
Họ và tên		Bùi Văn Hòa	
Phòng ban		Giám Đốc	
Số ngày công		26	
Ngày công dư		1	
Ngày nghỉ không lương		0	
Ngày nghỉ hưởng lương		1	
Mức lương đóng bảo hiểm		6.000.000	
Tổng tiền lương	Chỉ tiêu	Hợp đồng	Thực tế
	Lương cơ bản	20.000.000	20.000.000
	Phụ cấp cấp bậc	5.000.000	5.000.000
	Phụ cấp xăng xe	500.000	500.000
	Phụ cấp làm đẹp	500.000	500.000
	Chuyên cần	300.000	300.000
	Thưởng tết dương lịch	500.000	500.000
	Trợ cấp		0
	Tổng thu nhập		27.300.000
Các khoản khấu trừ tính thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	11.000.000	
	Giảm trừ người phụ thuộc	4.400.000	
	Tổng	15.400.000	
Các khoản phải khấu trừ vào lương	BHXH (8%)	480.000	
	BHYT (1.5%)	90.000	
	BHTN (1%)	60.000	
	Thuế TNCN	940.500	
	Tổng	1.570.500	
Thực lĩnh		25.729.500	
Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>		Người lao động <i>(Ký, họ tên)</i>	

Biểu 2. 11 Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

Địa chỉ: xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 1 năm 2024

STT	Ghi Có TK	TK 334 - Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác						TK 3335 Thuế TNCN	Tổng cộng
	Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các TK)	Lương + Lương doanh thu	Các khoản tương đương lương	Cộng Có TK 334	Lương tính bảo hiểm	Kinh phí công đoàn	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm y tế	BHTN	Cộng Có TK 338		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	TK 6421- Chi phí bán hàng	47.417.673	12.346.154	59.763.827	31.963.600	639.272	5.593.630	958.908	319.636	7.511.446	-	67.275.273
2	TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.500.000	16.700.000	71.200.000	23.184.400	463.688	4.057.270	695.532	231.844	5.448.334	-	76.648.334
3	TK 154- Chi phí SXKD dở dang	100.767.857	27.771.429	128.539.286	55.532.400	1.110.648	9.718.170	1.665.972	555.324	13.050.114	-	141.589.400
4	TK 334- Phải trả người lao động						8.854.432	1.660.206	1.106.804	11.621.442	940.500	12.561.942
5	TK 338- Phải trả, phải nộp khác		608.563	608.563								608.563
	Tổng cộng	202.685.530	57.426.146	260.111.676	110.680.400	2.213.608	28.223.502	4.980.618	2.213.608	37.631.336	940.500	298.683.512

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 1 năm 2024
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán

Biểu 2. 12 Giấy báo nợ thanh toán tiền lương tháng 1

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Chi nhánh Branch: 40098 - CN NINH BINH - HOI SO



GIẤY BÁO NỢ

=====

Ngày giờ hoạch toán Posting time and date:	2024-01-05 09:19:02
Loại tiền tệ Currency:	VND
Tên tài khoản chuyển Sender Account Name:	CONG TY TNHH DV DL BICH DONG
Số tài khoản chuyển Sender Account No:	
Ngân hàng Sender Branch:	40098 - CN NINH BINH - HOI SO
Đơn vị thụ hưởng Beneficiary:	Theo danh sách kèm theo

Số tài khoản đơn vị hưởng Beneficiary Account No:	
Ngân hàng Beneficiary Branch:	40098 - CN NINH BINH - HOI SO
Số tiền bằng số Amount:	256.432.527
Số tiền bằng chữ Amount in word:	Hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng.

Số tham chiếu Transaction Reference Number:	
Nội dung giao dịch Description:	Thanh toán tiền lương tháng 12 năm 2023

Chi nhánh Branch
Chữ ký số E-signature

Signature Valid Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN NINH BINH Ngày ký: 31/01/2024

Biểu 2. 13 Sổ chi tiết TK 334 tháng 1 năm 2024

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động			Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ: Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình			(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN Tài khoản: 334 Đối tượng: Phải trả người lao động Loại tiền: VND						
<i>Đơn vị tính: đồng</i>						
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng			256.432.527
5/1/2024	GBN	5/1/2024	Thanh toán tiền lương T12		256.432.527	
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	154		128.539.286
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	6421		59.763.827
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	6422		71.200.000
31/1/2024	BPBTL	31/1/2024	Trích BHXH trừ vào lương người lao động 01/2024	3383	8.854.432	
231/1/2024	BPBTL	31/1/2024	Trích BHYT trừ vào lương người lao động 01/2024	3384	1.660.206	
31/1/2024	BPBTL	31/1/2024	Trích BHTN trừ vào lương người lao động 01/2024	3385	1.106.804	
31/1/2024	GBC	31/1/2024	BHXH trả thay lương	3383		608.563
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Thuế TNCN	3335	940.500	
			Cộng số phát sinh tháng	x	268.994.469	260.111.676
			Số dư cuối tháng	x		247.549.734
- Ngày mở sổ: 01/01/2024 Ngày 31 tháng 01 năm 2024 Người lập biểu (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)						

2.3.1.2. Kế toán tổng hợp tiền lương

- Sổ kế toán tổng hợp sử dụng gồm:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái TK 334

Biểu 2. 14 Sổ nhật ký chung tháng 1/2024

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động Địa chỉ: Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình				Mẫu số S03a-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Tháng 01 Năm 2024						
<i>Đơn vị tính: đồng</i>						
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
31/1/2024	UNC	31/1/2024	Thanh toán lương cho CNV tháng 01/2024	334 112	256.432.527	256.432.527
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	154 334	128.539.286	128.539.286
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	6421 334	59.763.827	59.763.827
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	6422 334	71.200.000	71.200.000
31/1/2024	BPBTL	31/1/2024	Các khoản trích theo lương tháng 01/2024	334 338	11.621.442	11.621.442
31/1/2024	GCN	31/1/2024	BHXH trả thay lương	3383 334	608.563	608.563
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Thuế TNCN	334 3335	940.500	940.500
...	...	...	...	...	...	...
Cộng chuyển sang trang sau				x	...	...

- Sổ này có ... trang, đánh số trang từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu 2. 15 Sổ cái TK 334

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 01 năm 2024

Tên tài khoản: Phải trả người lao động

Số hiệu: 334

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng			256.432.527
5/1/2024	GBN	5/1/2024	Thanh toán lương cho CNV tháng 12/2023	112	256.432.527	
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	154		128.539.286
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	6421		59.763.827
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Tiền lương phải trả CNV tháng 01/2024	6422		71.200.000
31/1/2024	BPBTL	31/1/2024	Các khoản trích theo lương tháng 01/2024	338	11.621.442	
31/1/2024	GCN	31/1/2024	BHXXH trả thay lương	3383		608.563
31/1/2024	BTL	31/1/2024	Thuế TNCN	3335	940.500	
			Cộng số phát sinh tháng	x	268.994.469	260.111.676
			Số dư cuối tháng	x		247.549.734

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

(Nguồn: Phòng Kế toán)

2.3.2. Kế toán các khoản trích theo lương

2.3.2.1. Kế toán chi tiết

* *Chứng từ kế toán sử dụng tại Công ty:* Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

* *Tài khoản kế toán sử dụng tại Công ty:*

- Tài khoản 3382: Kinh phí công đoàn
- Tài khoản 3383: Bảo hiểm xã hội
- Tài khoản 3384: Bảo hiểm y tế
- Tài khoản 3385: Bảo hiểm thất nghiệp
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, ...

* *Sổ kế toán sử dụng tại Công ty:* Sổ chi tiết TK 3382, TK 3383, TK 3384, TK 3385

* *Trình tự kế toán các khoản trích theo lương*

Căn cứ vào chế độ tính các khoản trích theo tiền lương BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trích 23,5% vào chi phí sản xuất và 10,5% vào lương CNV.

Căn cứ vào các chứng từ như Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán tiền BHXH. Trong các trường hợp công nhân viên đã tham gia đóng BHXH mà ốm đau, thai sản, tai nạn lao động thì được trợ cấp BHXH.

Mức hưởng	=	$\frac{75\% \times \text{Tiền lương đóng BHXH của tháng liên kế trước khi nghỉ}}{24 \text{ ngày}}$	x	Số ngày nghỉ
--------------	---	--	---	-----------------

Ví dụ: Căn cứ vào bảng chấm công. Bảng thanh toán tiền lương ta tính số tiền BHXH trợ cấp ông Nguyễn Văn Vích, nhân viên phòng kinh doanh:

- Tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước tháng nghỉ: 3.640.000
- Số ngày nghỉ: 5 ngày (Từ ngày 09/01/2024 đến ngày 13/01/2024)

Mức tiền hưởng trợ cấp: $(3.640.000 + 3.640.000 \times 7\%) \div 24 \times 75\% \times 5 = 608.56$

Biểu 2. 16 Giấy ra viện

Sở y tế Ninh Bình BV: Quân y 5 Khoa:	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	MS: 01/BV-01 Số lưu trữ: Mã y tế:
GIẤY RA VIỆN		
- Họ tên người bệnh: Nguyễn Văn Vích Tuổi: 44 Nam/Nữ: Nam		
- Dân tộc: Kinh Nghề nghiệp:		
- Thẻ BHYT 3720508493 giá trị từ: 01/01/2024 đến 31/12/2024		
- Địa chỉ: Ninh Thắng, Hoa Lư, Ninh Bình		
- Vào viện lúc: 8 giờ 15 phút, ngày 09 tháng 01 năm 2024		
- Ra viện lúc: 15 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 01 năm 2024		
- Chẩn đoán: Sốt kéo dài		
- Phương pháp Điều trị: Hạ sốt, Kháng sinh		
- Ghi chú: Nghỉ ngơi, uống thuốc theo lời dặn của bác sỹ		
Ngày 13 tháng 01 năm 2024 Trưởng khoa Điều trị		Ngày 13 .tháng 01 năm 2024 Giám đốc bệnh viện

Nguồn: Phòng kế toán

Biểu 2. 17 Danh sách đề nghị giải quyết chế độ bảo hiểm

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động
Địa chỉ: Ninh Hải, Hoa Lư, Ninh Bình

DANH SÁCH GIẢI QUYẾT HƯỞNG CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU, THAI SẢN, DƯỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE
Quý I năm 2024

TT	Họ và tên	Số sổ BHXH	Bộ phận	Thời gian đóng BHXH	Tiền lương tính BHXH	Điều kiện tính hưởng		Số ngày thực nghỉ			Ghi chú
								Trong kỳ			
						Tình trạng	Thời điểm	Từ ngày	Đến ngày	Tổng số (ngày)	
A	CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU										
I	Bản thân ốm thường										
...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	
	Nguyễn Văn Vích	...	Kinh doanh	5 năm	3.894.800	Sốt virus	09/1/2024	09/01/2024	13/01/2024	5	
B	CHẾ ĐỘ THAI SẢN										
I	Sinh con, nuôi con nuôi										
...			...	...	...	...	...	...	...	...	
C	DƯỠNG SỨC PH SỨC KHỎE										
	Tổng phát sinh										

Ninh Bình, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2. 18 Phiếu thanh toán trợ cấp bảo hiểm xã hội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc	
PHIẾU THANH TOÁN TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI	
Họ và tên: Nguyễn Văn Vích	Tuổi: 44
Nghề nghiệp, chức vụ: Nhân viên kinh doanh	
Đơn vị công tác: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động	
Thời gian đóng phí BHXH: 5 năm	
Tiền lương đóng BHXH của tháng trước khi nghỉ: 3.894.800 đồng	
Số ngày nghỉ: 5 ngày Từ ngày 9/01/2024 đến ngày 13/01/2024	
Tiền lương: 608.563 đồng	
Ghi bằng chữ: Sáu trăm linh tám nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng	
Phụ trách BHXH đơn vị	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán

Trích dẫn: Phiếu thanh toán trợ cấp BHXH tháng 01/2024.

Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 1/2024 và Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 1/2024, kế toán lên Sổ chi tiết TK 3382, TK 3383, TK 3384, TK 3385, phiếu kế toán

Biểu 2. 19 Giấy báo có BHXH trả thay lương

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Branch: 40098 - CN NINH BINH - HOI SO		
GIẤY BÁO CÓ ===== =		
Ngày giờ hoạch toán Posting time and date:	2024-01-25 8:15:07	
Loại tiền tệ Currency:	VND	
Tên tài khoản chuyển Sender Account Name:	BAO HIEM XA HOI TINH NINH BINH	
Số tài khoản chuyển Sender Account No:		
Ngân hàng Sender Branch:	40098 - CN NINH BINH - HOI SO	
Đơn vị thụ hưởng Beneficiary:	CONG TY TNHH DV DL BICH DONG	
Số tài khoản đơn vị hưởng Beneficiary Account No:		
Ngân hàng Beneficiary Branch:	40098 - CN NINH BINH - HOI SO	
Số tiền bằng số Amount:	608.563	
Số tiền bằng chữ Amount in word:	Sáu trăm linh tám nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng.	
Số tham chiếu Transaction Reference Number:		
Nội dung giao dịch Description:	Thanh toán tiền chế độ tháng 1 năm 2024	
Chi nhánh Branch Chữ ký số E-signature		
Signature Valid Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN NINH BINH Ngày ký: 31/01/2024		

Biểu 2. 20 Giấy báo nợ nộp tiền bảo hiểm**Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam****Chi nhánh Branch: 40098 - CN NINH BINH - HOI SO****GIẤY BÁO NỢ**

=====

Ngày giờ hoạch toán Posting time and date: 2024-01-31 09:09:05
Loại tiền tệ Currency: VND
Tên tài khoản chuyển Sender Account Name: CONG TY TNHH DV DL BICH DONG
Số tài khoản chuyển Sender Account No:
Ngân hàng Sender Branch: 40098 - CN NINH BINH - HOI SO
Đơn vị thụ hưởng Beneficiary: BAO HIEM XA HOI TINH NINH BINH

Số tài khoản đơn vị hưởng Beneficiary Account No: 942015000003
Ngân hàng Beneficiary Branch: 40098 - CN NINH BINH - HOI SO
Số tiền bằng số Amount: 35.417.728
Số tiền bằng chữ Amount in word: Ba mươi lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng
Số tham chiếu Transaction Reference Number:
Nội dung giao dịch Description: +BHXH+103+00+TE0079E+03700+
DONG BHXH THANG 1/2024

Chi nhánh Branch
Chữ ký số E-signature

Signature Valid

Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN
NINH BINH
Ngày ký: 31/01/2024



Biểu 2. 21 Giấy báo nợ nộp KPCD

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Chi nhánh Branch: 40098 - CN NINH BINH - HOI SO



GIẤY BÁO NỢ

=====

Ngày giờ hoạch toán Posting time and date:	2024-01-31 09:19:02
Loại tiền tệ Currency:	VND
Tên tài khoản chuyển Sender Account Name:	CONG TY TNHH DVDL BICH DONG
Số tài khoản chuyển Sender Account No:	
Ngân hàng Sender Branch:	40098 - CN NINH BINH - HOI SO
Đơn vị thụ hưởng Beneficiary:	CONG DOAN VIET NAM
Số tài khoản đơn vị hưởng Beneficiary Account No:	1TLD2700278075
Ngân hàng Beneficiary Branch:	40098 - CN NINH BINH - HOI SO
Số tiền bằng số Amount:	2.213.608
Số tiền bằng chữ Amount in word:	Hai triệu hai trăm muoi ba nghìn sau
	tram linh tam dong
Số tham chiếu Transaction Reference Number:	
Nội dung giao dịch Description:	Nop KPCD thang 1 năm 2024

Chi nhánh Branch
Chữ ký số E-signature

Signature Valid

Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN
NINH BINH
Ngày ký: 31/01/2024



Biểu 2. 22 Sổ chi tiết TK 3382

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động Địa chỉ: Ninh Hải- Hoa Lư- Ninh Bình			Mẫu số S19 – DNN <i>(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i>			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tháng 01 năm 2024 Tên tài khoản: Kinh phí công đoàn Số hiệu: 3382 <i>Đơn vị tính: VNĐ</i>						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
31/1	BPBTL	31/1	Trích KPCĐ vào chi phí dở dang tháng 1/2024	154		1.110.648
31/1	BPBTL	31/1	Trích KPCĐ vào chi phí bán hàng tháng 1/2024	6421		639.272
31/1	BPBTL	31/1	Trích KPCĐ vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 1/2024	6422		463.688
31/1	GBN 25	31/1	Nộp KPCĐ	112	2.213.608	
			Cộng số phát sinh		2.213.608	2.213.608
			Số dư cuối kỳ		x	x

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

Biểu 2. 23 Sổ chi tiết TK 3383

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động Địa chỉ: Ninh Hải- Hoa Lư- Ninh Bình			Mẫu số S019 – DNN <i>(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i>			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tháng 01 năm 2024 Tên tài khoản: Bảo hiểm xã hội Số hiệu: 3383 <i>Đơn vị tính: VNĐ</i>						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHXH vào chi phí SXKD dở dang tháng 1/2024	154		9.718.170
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHXH vào chi phí bán hàng tháng 1/2024	6421		5.593.630
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHXH vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 1/2024	6422		4.057.270
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHXH tính vào lương NLĐ tháng 1/2024	334		8.854.432
31/1	BPBTL	31/1	BHXH trả thay lương	334	608.563	
31/1	GBN	31/1	Nộp BHXH	112	28.223.502	
31/1	GBC	31/1	Nhận được khoản BHXH trả thay lương	112		608.563
			Cộng số phát sinh		28.832.065	28.832.065
			Số dư cuối kỳ		x	x

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

Biểu 2. 24 Sổ chi tiết TK 3384

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch			Mẫu số S019 – DNN <i>(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i>			
Bích Động						
Địa chỉ: Ninh Hải- Hoa Lư- Ninh Bình						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tháng 1 năm 2024 Tên tài khoản: Bảo hiểm y tế Số hiệu: 3384						
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>						
NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHYT vào chi phí SXKD dở dang tháng 1/2024	154		1.665.972
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHYT vào chi phí bán hàng tháng 1/2024	6421		958.908
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHYT vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 1/2024	6422		695.532
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHYT tính vào lương người lao động tháng 01/2024	334		1.660.206
31/1	GBN	31/1	Nộp BHYT	112	4.980.618	
			Cộng số phát sinh		4.980.618	4.980.618
			Số dư cuối kỳ		x	x

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

Biểu 2. 25 Sổ chi tiết TK 3385

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch
Bích Động
Địa chỉ: Ninh Hải- Hoa Lư- Ninh Bình

Mẫu số S019a – DNN
*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)*

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 01 năm 2024

Tên tài khoản: Bảo hiểm thất nghiệp

Số hiệu: 3385

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHTN vào chi phí SXKD tháng 1/2024	154		555.324
31/1	BPBTL		Trích BHTN vào chi phí bán hàng tháng 1/2024	6421		319.636
31/1	BPBT	31/1	Trích BHTN vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 1/2024	6422		231.844
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHTN tính vào lương người lao động tháng 1/2024	334		1.106.804
31/1	GBN	31/1	Nộp BHTN	112	2.213.608	
			Cộng số phát sinh		2.213.608	2.213.608
			Số dư cuối kỳ		x	x

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2024
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

2.3.2.2. Kế toán tổng hợp

Biểu 2. 26 Sổ nhật ký chung tháng 1/2024

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động Địa chỉ: Ninh Hải- Hoa Lư- Ninh Bình				Mẫu số S03a – DNN (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)			
NHẬT KÝ CHUNG Tháng 01 Năm 2024 Đơn vị tính: VNĐ							
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	...	..	...	...	...	...	...
31/1	BLT01	31/1	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào CPKD		154 6421 6422 338	13.050.000 7.511.446 5.448.334	35.417.728
31/1	BLT 01	31/1	BHXH, BHYT, BHTN, khấu trừ vào lương CNV		334 338	11.621.442	11.621.442
31/1	GBC	31/1	BHXH trả thay lương		338 334	608.563	608.563
31/1	GBN	31/1	Nộp KPCĐ lên cấp trên		3382 112	2.213.608	2.213.608
31/1	GBN	31/1	Chuyển tiền nộp cho cơ quan bảo hiểm		3383 3384 3385 112	28.223.502 4.980.618 2.213.608	35.417.728
31/1	GBC	31/1	Nhận được khoản BHXH trả thay lương		112 3383	608.563	608.563
...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh				

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

Biểu 2. 27 Sổ cái TK 338

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động Địa chỉ: Ninh Hải- Hoa Lư- Ninh Bình				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)		
(TRÍCH) SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Tháng 01 năm 2024 Tên tài khoản: Phải trả, phải nộp khác Số hiệu: 338						
<i>Đơn vị tính: đồng</i>						
Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng			0
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trừ vào các khoản CP	154		13.050.114
				6421		7.511.446
				6422		5.448.334
31/1	BPBTL	31/1	Trích BHXH, BHYT, BHTN trừ vào lương CNV	334		11.621.442
31/1	GCN	31/1	BHXH trả thay lương	334	608.563	
31/1	GBN	31/1	Nộp KPCĐ lên cấp trên	111	2.213.608	
31/1	GBN	31/1	Nộp tiền cho cơ quan BH	111	35.417.728	
31/1	GBC	31/1	Nhận được BHXH trả thay lương	112		608.563
			Cộng số phát sinh tháng	x	38.239.899	38.239.899
			Số dư cuối tháng	x		0

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG

3.1. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH BÍCH ĐỘNG

3.1.1. Nhận xét chung

Tiền lương chiếm một vị trí rất quan trọng đối với đời sống của cán bộ công nhân viên. Mặt khác tiền lương còn là đòn bẩy kinh tế để khuyến khích tinh thần hăng say lao động, kích thích và tạo mối quan tâm của người lao động đến kết quả công việc của mình. Chính vì vậy, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình kinh doanh của Công ty, là một yếu tố giúp cho Công ty hoàn thành mục tiêu đề ra.

Nhìn chung công tác hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty rất hợp lý và mang tính khoa học. Chế độ lao động - tiền lương của công ty được hình thành dựa trên những quy định, chính sách lao động- tiền lương của Nhà nước, bên cạnh những bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, đặc điểm kinh doanh và quản lý của công ty.

Bộ máy kế toán được bố trí khoa học, hợp lý và được phân công theo từng phần hành cụ thể, rõ ràng.

Các phần hành kế toán có sự phối hợp chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra, đối chiếu được thực hiện dễ dàng, thuận lợi. Công tác quyết toán hàng quý, hàng năm đều được thực hiện tốt, rõ ràng và đúng thời hạn.

Qua thời gian nghiên cứu và tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động, trên cơ sở lý luận có thể nêu lên một số nhận xét về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty.

3.1.2. Ưu điểm

3.1.2.1. Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán

Về cơ bản hệ thống chứng từ, sổ sách và các báo cáo kế toán được công ty áp dụng theo đúng quy định của Nhà Nước. Hệ thống chứng từ kế toán được

tập hợp đầy đủ và lưu trữ tốt, chứng từ đảm bảo hợp lý, hợp lệ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hạch toán, thanh toán lương và các khoản trích theo lương được đảm bảo đầy đủ, chính xác và nhanh chóng. Ngoài những chứng từ mang tính hướng dẫn theo thông tư công ty còn thiết kế chứng từ theo mẫu riêng của mình để phù hợp với nhu cầu quản lý của công ty. Việc tổ chức hệ thống luân chuyển chứng từ qua các bộ phận khoa học và hợp lý thuận tiện cho việc kiểm tra và đối chiếu sổ sách.

3.1.2.2. Về hình thức ghi sổ kế toán

Công ty đang sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, đây là hình thức phù hợp với quy mô và tính chất sản xuất kinh doanh của công ty, thuận lợi cho việc phân công lao động kế toán, tránh được việc ghi chép trùng lặp, tạo được sự thống nhất giữa kế toán tổng hợp và kế toán từng phần hành.

3.1.2.3. Về tính trả lương cho công nhân viên

Công ty áp dụng theo hình thức trả lương: Hình thức trả lương theo thời gian và theo doanh thu- phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và cũng phần nào phản ánh chính xác được tiền lương phải trả cho công nhân viên, kích thích người lao động làm việc, quan tâm đến kết quả lao động và chất lượng sản phẩm làm ra.

Công ty thực hiện trích BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy chế, quy định hiện hành: Tính trích BHXH 25,5% trên lương cơ bản của công nhân viên, trong đó 17,5% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, 8% trừ vào lương của người lao động. Tính trích BHYT 4,5% trên lương cơ bản của công nhân viên, trong đó 3% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, 1,5% trừ vào lương của người lao động. Tính trích BHTN 2% trên lương cơ bản của công nhân viên, trong đó 1% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, 1% trừ vào lương của người lao động.

3.1.2.4. Về hạch toán tiền lương

Kế toán hạch toán đầy đủ, chính xác, rõ ràng theo từng khoản mục chi phí cụ thể trên tài khoản 334, 338, theo đúng nguyên tắc hạch toán tại Công ty

và quy định chung của Nhà nước đã ban hành. Đồng thời các sổ sách chứng từ kế toán tiền lương được lưu trữ có hệ thống khoa học, đảm bảo cho việc đối chiếu số liệu một cách nhanh chóng tiện lợi.

3.1.2.5. Hệ thống tin học ứng dụng trong kế toán tiền lương

Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động là Công ty có nhiều nghiệp vụ kế toán. Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính, máy in, máy photo cho các phòng ban trong Công ty. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet thuận tiện cho thông tin thông suốt và nhanh chóng.

3.1.3. Tồn tại và nguyên nhân

Nhìn chung công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động được thực hiện khá tốt, đảm bảo tuân thủ quy định của chế độ kế toán hiện hành và phù hợp với điều kiện kinh tế, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên song song với những cố gắng trên, cùng với những tác động chủ quan và khách quan, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở Công ty vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục.

3.1.3.1. Về chấm công, tính lương, trả lương cho lao động

Kế toán theo dõi tiền lương căn cứ vào bảng chấm công mà các phòng ban trong Công ty gửi về để xác định ngày công làm việc thực tế của mỗi công nhân viên trong tháng từ đó làm cơ sở để tính tiền lương phải trả cho người lao động. Tuy nhiên trên bảng chấm công chỉ thể hiện được số ngày đi làm và số ngày nghỉ mà không thể hiện được việc đi sớm về muộn cũng như chưa đánh giá được chất lượng công tác của từng người. Phần lương mà người lao động nhận được không gắn liền với kết quả lao động mà họ tạo ra nên không khuyến khích CNV tích cực làm việc, dễ tạo ra tư tưởng đối phó làm cho đủ ngày công mà không chú trọng đến chất lượng và năng suất lao động.

Với số lượng công nhân trực tiếp lớn nhưng Công ty không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép nên chi phí tiền lương trong giá thành sản phẩm có những biến động không hợp lý.

Công ty đang áp dụng số ngày công đối với nhân viên quản lý và nhân viên kinh doanh là 26 công/ 1 tháng, đối với nhân viên công trình là 28 công/ tháng, điều này dẫn đến sự không công bằng đối với nhân viên.

Công ty nên xem xét trả lương cho nhân viên làm 2 kỳ trong tháng nhằm đáp ứng nhu cầu cuộc sống của nhân viên. Kỳ 1 là tạm ứng, kỳ 2 sẽ nhập số còn lại sau khi trừ đi các khoản toán lương thanh toán BHXH, ...

3.1.3.2. Về chế độ tiền thưởng

Công ty chưa chú trọng nhiều đến các khoản phụ cấp khen thưởng cho người lao động được trả lương theo hình thức này từ đó cũng chưa khuyến khích được sự hăng say làm việc của người lao động.

3.1.3.3. Về việc ứng dụng tin học trong kế toán

Do các công trình ở xa nên sự cập nhật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm. Mặc dù công ty đã có phần mềm kế toán Misa nhưng công ty lại chưa ứng dụng vào phần hành kế toán tiền lương.

Công ty còn chậm trễ, việc ứng dụng tin học, kế toán máy vào quá trình hạch toán kế toán còn chưa linh động.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY

3.2.1. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty

3.2.1.1 Về quản lý lao động

Công ty nên tổ chức, bố trí lại lao động cho phù hợp, lập tiêu chuẩn, chỉ tiêu đánh giá, xếp hạng tháng cho công nhân viên. Công ty cần phải thiết lập 1 hệ thống quản lý hiệu quả để theo dõi các thông tin của nhân viên, kế hoạch làm việc và hiệu suất lao động. Mỗi nhân viên thì cần phải lập ra kế hoạch và báo cáo công việc của mình phải làm hằng ngày hằng tuần hàng tháng theo tiêu chí như mục tiêu công việc, yêu cầu đầu ra, hành động chi tiết và thời gian hoàn thành

Tăng cường quản lý thời gian và chất lượng lao động. Việc chấm công chính xác là hết sức cần thiết để đảm bảo sự công bằng cho sức lực người lao động đã bỏ ra cũng như là cơ sở để ban lãnh đạo công ty đánh giá thái độ làm việc của mỗi CBCNV trong đơn vị. Thêm mục thời gian làm việc vào bảng chấm công để quản lý tình hình đi muộn về sớm của CBCNV cũng như đánh giá ngày công lao động được toàn diện và chuẩn xác hơn.

Ban lãnh đạo Công ty cần xem xét lại việc nghỉ phép tối đa được hưởng lương nhằm tránh việc nhân viên nghỉ quá nhiều ảnh hưởng đến kết quả công việc. Công ty nên thiết lập một cách chấm công qua phần mềm tin học, như vậy việc theo dõi và hạch toán gặp thuận lợi hơn.

3.2.1.2. Về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Để giảm công việc của cuối tháng và những sai sót có thể xảy ra thì hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế xảy ra, kế toán lưu lại, hàng tuần kế toán dựa vào chứng từ gốc sau khi đã kiểm tra, ghi sổ hàng ngày chứ không để cuối tháng ghi một lần.

Thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của người lao động vào chi phí sản xuất trong tháng: theo em, một năm người lao động được nghỉ phép 12 ngày, số ngày nghỉ phép sẽ tăng lên nếu số năm công tác của người đó tăng. Vì thế, tính trung bình toàn công ty, số ngày nghỉ phép bình quân năm là 14 ngày/người lao động. Mức nghỉ phép tối đa không quá 26 ngày công trong chế độ 1 năm. Từ đó, công ty nên áp dụng trích trước tiền lương nghỉ phép để giá thành không bị biến động nhiều giữa các kỳ, và dưới đây là công thức xác định mức trích tiền lương nghỉ phép năm:

	Tổng tiền lương cơ bản	
Mức trích tiền lương	cả năm toàn công ty	14 ngày nghỉ phép
nghỉ phép toàn công ty trong năm	$= \frac{\text{cả năm toàn công ty}}{26 \text{ ngày chế độ}}$	x bình quân năm

Công ty nên xem xét thống nhất số công chung cho toàn công ty nhằm đảm bảo tính công bằng, có thể áp dụng ngày 26 công cho toàn bộ nhân viên trong công ty.

Công ty áp dụng chính sách tạm ứng tiền lương sẽ giúp công ty và nhân viên có mối quan hệ chặt chẽ hơn, giúp người lao động tự chủ hơn trong ổn định thu chi của bản thân. Hạch toán tạm ứng lương. Kỳ 1 là tạm ứng vào giữa tháng, kỳ 2 sẽ nhập số còn lại sau khi trừ đi các khoản toán lương thanh toán BHXH sau đó sẽ thanh toán vào ngày 5 tháng sau theo quy định công ty

Nợ TK 334 – Chi tiết cho từng nhân viên

Có TK: 111, 112

3.2.1.3. Về chế độ tiền thưởng

Tiền thưởng có ý nghĩa khuyến khích vật chất rất lớn đối với cán bộ công nhân viên. Vì vậy, công ty nên nghiên cứu hình thức thưởng để khuyến khích người lao động tích cực làm việc hơn nữa. Hiện nay, công ty đã có hình thức thưởng thường xuyên nhưng hình thức này mới chỉ đánh giá về mặt chuyên cần. Để phát huy hơn nữa tác dụng của hình thức thưởng cho người lao động và có thể tiết kiệm chi phí, công ty nên xem xét việc thưởng định kỳ. Hàng tháng công ty nên tổ chức một đợt xét thưởng trong tháng do các nhân viên tiến hành bình bầu. Để không phải phát sinh nhiều chi phí công ty có thể lấy nguồn tiền thưởng từ những khoản phạt của nhân viên vi phạm.

Trong đó:

A :nhân viên hoàn thành xuất sắc công việc.

B: nhân viên hoàn thành tốt công việc

C: nhân viên đạt yêu cầu công việc.

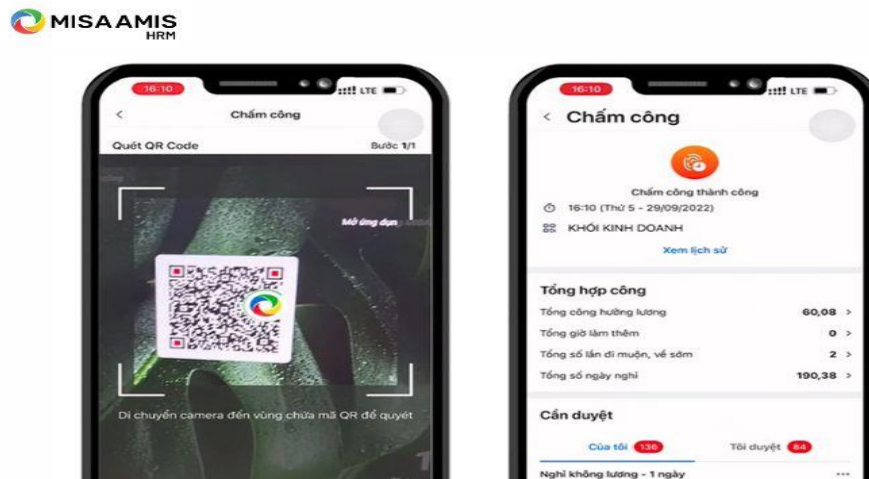
D: nhân viên không đạt yêu cầu.

Biểu 3. 1 Danh sách thưởng phạt tại công ty

Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động Ninh Hải - Hoa Lư - Ninh Bình DANH SÁCH THƯỞNG PHẠT Tháng ... năm ...							
STT	Họ và tên	Xếp loại				Tiền thưởng	Tiền phạt
		A	B	C	D		

Về ứng dụng công nghệ

Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động lượng công nhân viên khá nhiều vì vậy việc chấm công và tính lương qua Excel rất mất thời gian. Việc quản lý ngày công làm việc là do các bộ phận quản lý sau đó gửi qua Bộ phận kế toán để tiến hành tính lương. Mặc dù công ty đã có phần mềm kế toán Misa- một phần mềm được tạo ra chuyên để phục vụ cho công việc kế toán tại các doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán nhưng công ty lại chưa ứng dụng vào phần hành kế toán tiền lương. Công ty có thể xem xét sử dụng phần mềm chấm công qua Misa, kết hợp với chấm công trên bảng chấm công gửi qua các bộ phận để việc chấm công chặt chẽ hơn.



Tiết kiệm chi phí: Sử dụng phần mềm chấm công bằng QR code miễn phí giúp tiết kiệm chi phí so với việc sử dụng các phần mềm trả phí hoặc các giải pháp chấm công truyền thống.

Dễ sử dụng: Phần mềm chấm công bằng QR code miễn phí thường có giao diện đơn giản và dễ sử dụng, không đòi hỏi kiến thức chuyên môn cao. Người dùng có thể dễ dàng tạo và quản lý mã QR code cho nhân viên.

Tính linh hoạt: Phần mềm chấm công bằng QR code miễn phí thường cho phép tùy chỉnh các thông tin và quy trình chấm công theo nhu cầu của doanh nghiệp. Người dùng có thể linh hoạt thay đổi cài đặt và quy định chấm công.

3.2.2 Điều kiện thực hiện giải pháp

Để hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động thì không chỉ cần có sự cố gắng từ một phía mà cần phải có sự kết hợp của cá nhân, doanh nghiệp và nhà nước

Để hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động thì không chỉ cần có sự cố gắng từ một phía mà cần phải có sự kết hợp của cá nhân, doanh nghiệp và nhà nước

3.2.2.1 Đối với cá nhân – nhân viên kế toán

Họ cần nhận thức được công việc kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương rất quan trọng. Vì nó là một bộ phận cấu thành nên giá thành sản xuất. Vì vậy, người làm nghiệp vụ kế toán tiền lương phải là người có trình độ chuyên môn tức là hiểu biết về lĩnh vực tiền lương và các chính sách chế độ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Muốn vậy, nhân viên kế toán phải thường xuyên nghiên cứu, học hỏi, tìm hiểu những thay đổi chính sách của Nhà nước, tình hình kinh tế trong và ngoài nước để kịp thời thay đổi những thay đổi về chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước, chuẩn mực kế toán, kịp thời tiếp cận với sự thay đổi của nền kinh tế thế giới.

3.2.2.2. Đối với doanh nghiệp

Để công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty thực sự phát huy hết vai trò của nó là công cụ hữu hiệu trong công tác quản lý, để từ đó nâng cao mức sống cho người lao động và để công ty ngày một phát triển thì Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động nói chung và công tác kế toán nói riêng phải không ngừng nghiên cứu để hoàn thiện hơn hình thức trả lương hiện nay của công ty để quản lý tốt lao động và nâng cao hiệu quả lao động.

Ngoài ra, phải quan tâm đến đời sống cán bộ CNV hơn nữa để tìm ra phương thức trả lương phù hợp với sức lao động mà họ đã bỏ ra. Cần có thêm nhiều chính sách khen thưởng đối với các cá nhân, bộ phận hoàn thành tốt

nhiệm vụ hay có những phát minh sáng tạo giúp thúc đẩy sản xuất, phát triển doanh nghiệp.

Để đáp ứng kịp thời và chính xác phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty, xin đề nghị ban giám đốc và phòng kế toán quản lý tốt các hình thức trả lương hơn nữa: đối với bộ phận sản xuất và bộ phận kỹ thuật nên áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm, vì có như vậy người lao động mới tích cực tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ được nhiều hàng hoá giúp cho lợi nhuận của công ty tăng cao đồng thời việc hạch toán lương cũng cụ thể hơn, thiết thực hơn đối với năng lực của từng người.

3.2.2.3. Đối với nhà nước

Nhà nước cũng không thể đứng ngoài cuộc. nền kinh tế nước ta chịu sự quản lý vĩ mô của Nhà nước, bởi vậy pháp luật và chính sách của Nhà nước ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của nền kinh tế. Để giúp các doanh nghiệp, các cá nhân nhận rõ được vai trò quan trọng của việc kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương thì Nhà nước phải:

- + Có hệ thống pháp luật chặt chẽ, nghiên cứu và sửa đổi kịp thời các chính sách kinh tế, các chuẩn mực kế toán cho phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước.

- + Đưa ra các biện pháp thưởng hoặc phạt nghiêm minh, rõ ràng đối với những doanh nghiệp thực hiện tốt hoặc không tốt các quy định pháp luật của Nhà nước. Điều này sẽ là động lực giúp các doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật Nhà nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế đất nước phát triển lành mạnh.

Tóm lại: Việc hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương là rất quan trọng không chỉ đối với các doanh nghiệp mà còn với sự phát triển chung của đất nước. Vì vậy cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa cá nhân (nhân viên kế toán), doanh nghiệp và Nhà nước.

PHẦN KẾT LUẬN

Trong mỗi doanh nghiệp lao động là một trong những yếu tố quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương là một phần kế toán quan trọng, giúp các nhà lãnh đạo quản lý được số lượng và chất lượng lao động góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả lao động nhằm đạt được mục đích cuối cùng là lợi nhuận.

Một chính sách tiền lương đúng đắn sẽ là động lực phát triển cho mỗi doanh nghiệp. Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động đã tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương một cách hợp lý, phù hợp với hình thức kinh doanh của công ty, giúp cho nhân viên ở công ty có một môi trường làm việc thoải mái và có thể phát huy hết khả năng của mỗi cá nhân.

Qua thời gian thực tập tại, Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động em đã giải quyết được các vấn đề sau:

Tổng quan được về Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động, tìm hiểu thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương thực tiễn tại công ty.

So sánh sự khác nhau giữa kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương giữa thực tế và lý thuyết và từ đó làm cơ sở đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động với thời gian thực tập tương đối ngắn, kinh nghiệm cũng như trình độ cá nhân còn giới hạn nên bài viết còn có nhiều thiếu sót, chưa đầy đủ về các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở công ty, em mong được sự góp ý của thầy cô giáo để bài báo cáo thực tập được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, chúng em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động và Th.S Phạm Thị Oanh đã nhiệt tình hướng dẫn và giúp đỡ chúng em trong suốt quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và hoàn thành báo cáo của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Đặng Thị Loan (2015), *Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Đông (2013), *“Hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp”*, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
3. Quốc hội (2014), Luật số 58/2014/QH3 ngày, Luật Bảo hiểm xã hội
4. Quốc hội (2008), Luật số 25/2014/QH12, Luật Bảo hiểm y tế
5. Quốc hội (2006), Luật số 38/2013/QH13, Luật làm việc
6. Bảo hiểm xã hội Việt Nam(2017), Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
7. Tống Thị Hải (2017), *“Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh”*, Trường Đại học Hoa Lư.
8. Bùi Thị Thúy (2017), *“Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Sinh Lộc”*, Trường Đại học Hoa Lư.
9. Tạ Thị Lương (2023) *“Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH may Đông Thịnh Hưng”*, Trường Đại học Hoa Lư.
10. Thông tư 133-2016/TT-BTC của Bộ tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp
11. Tài liệu, số liệu kế toán của Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Bích Động
12. Trang web: www.webketoan.com, www.tailieu.vn...